



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM TIN HỌC**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

4

Tháng 2 - 2009

**HỘI NGHỊ GÓP Ý KIẾN CHO DỰ THẢO QUY CHẾ NGƯỜI ĐẠI DIỆN
PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TRONG CÁC TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY
CỔ PHẦN THUỘC BỘ XÂY DỰNG VÀ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH CỦA
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BỔ NHIỆM 02 THỨ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2009



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân trao Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
Bổ nhiệm ông Trần Văn Sơn và ông Bùi Phạm Khánh giữ chức vụ
Thứ trưởng Bộ Xây dựng



Toàn cảnh Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM TIN HỌC PHÁT HÀNH
NĂM THỨ CHÍN

4

SỐ 4 - 2/2009



TRUNG TÂM TIN HỌC

TRỤ SỞ : 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ : 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 07/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản 5
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình 8
- Quyết định số 220/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 9
- Thông tư số 27/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân 12

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của thành phố Hồ Chí Minh 14
- Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh KonTum về việc ban hành mức thu, tỷ lệ phân bổ số thu, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán phí Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh KonTum 16

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS. NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS. HUỖNH PHƯỚC

CN. ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN. HOÀNG ĐẠI HẢI

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGHIÊM THỊ THÚY GIANG

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: 18
 - + “Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng hợp cải thiện điều kiện môi trường nước một số hồ đô thị đặc trưng cho các vùng sinh thái khác nhau”
 - + Dự án “Điều tra, khảo sát kiến trúc nhà ở truyền thống các dân tộc miền núi phía Bắc và Tây Nguyên - Đề xuất bảo tồn và khai thác giá trị kiến trúc nhà ở truyền thống” 20
 - + Nghiệm thu tiêu chuẩn: Trạm xử lý nước thải bệnh viện – Các yêu cầu kỹ thuật để thiết kế và quản lý vận hành 21
- Công nghệ HOTDISC của Tập đoàn F.L.Smith trong lĩnh vực sản xuất xi măng 22
- Tiêu chuẩn Anh BS 9999: Một phương pháp mới về thiết kế phòng hoả cho các toà nhà 24
- Các phương pháp phòng chống cháy trong nhà cao tầng 25
- Nguyên nhân và biện pháp giải quyết tranh chấp về chất lượng các công trình nhà ở 27
- Tin xây dựng quốc tế qua mạng internet 30

Thông tin

- Lễ ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng công trình Nhà Quốc hội 33
- Hội nghị tổng kết năm 2008 của Khối thi đua các Bộ, Ngành kinh tế 34
- Bệnh viện Xây dựng tổ chức Lễ kỷ niệm ngày thầy thuốc Việt Nam 27/2, tổng kết công tác năm 2008 và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì 36
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam tổ chức Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch năm 2008 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2009 38
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất 40
- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 của một số đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng 42
- Hội nghị Ban chấp hành mở rộng phía Bắc Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam 47



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 07/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản

Ngày 22/01/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2009/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản (sau đây gọi là Nghị định số 160/2005/NĐ-CP) như sau:

- Bổ sung khoản 2a và sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

"2a. Xác định, phê duyệt và công bố khu vực đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 23 (sửa đổi, bổ sung) của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP: tổ chức việc thực hiện đấu thầu theo quy định.

3. Xác định khu vực có tài nguyên khoáng sản đã được điều tra, đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Khoáng sản, cung cấp cho Bộ Công thương, Bộ Xây dựng các tài liệu đánh giá về khoáng sản phục vụ công tác quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản; xác định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia theo quy định tại Điều 23a (sửa đổi, bổ sung) của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP; khoanh định khu vực có khoáng sản độc hại theo quy định tại Điều 15 của Luật Khoáng sản và thông báo cho cơ quan nhà nước có liên quan; tổ chức thực hiện việc kiểm kê khoáng sản đã được phê duyệt trên phạm vi cả nước."

- Điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"b. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định khu vực đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 23 (sửa đổi, bổ sung) của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP;

2. Bộ Công thương ban hành Danh mục, điều kiện và tiêu chuẩn xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu đối với các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng; Bộ Xây dựng ban hành Danh mục; điều kiện và tiêu chuẩn xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng."

- Điểm b và điểm g khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"b. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Quốc phòng, Công an, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan khoanh định và phê duyệt các khu vực cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 20 (sửa đổi, bổ sung) của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP; khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP;

g. Xác định, phê duyệt và công bố khu vực đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác khoáng

sản theo quy định tại Điều 23 (sửa đổi, bổ sung) của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP; tổ chức việc thực hiện đấu thầu theo quy định;”

- Điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“đ. Thể hiện khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định;

e. Thể hiện khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và khu vực đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;”

- Bổ sung điểm d khoản 2 Điều 17 như sau:

“d. Trường hợp xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không bắt buộc phải tiến hành thăm dò quy định tại khoản 2 Điều 41 (sửa đổi, bổ sung) của Luật Khoáng sản, ngoài các điều kiện quy định tại các điểm a, b, và c khoản này, còn phải bảo đảm điều kiện sản phẩm khai thác được chỉ phục vụ cho việc duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng, đê điều.”

- Điểm d, điểm e khoản 1; khoản 2 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d. Thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ an toàn các công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông, hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, công trình thủy lợi, đê điều, thông tin;

e. Đô thị, khu thương mại, khu du lịch hoặc công trình kết cấu hạ tầng quan trọng; khu công nghiệp, trừ diện tích thuộc dự án chế biến khoáng sản.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản sau khi có ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành liên quan và thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương và Bộ Xây dựng sau khi được phê duyệt.”

- Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Khu vực đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác khoáng sản

1. Khu vực đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác khoáng sản bao gồm các khu vực sau đây:

a. Khu vực đã được điều tra, đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, có triển vọng về tài nguyên khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt là khu vực đấu thầu thăm dò khoáng sản;

b. Mỏ khoáng sản đã được thăm dò bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt là khu vực đấu thầu khai thác khoáng sản.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm xác định, phê duyệt và công bố khu vực đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác khoáng sản:

a. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Xây dựng xác định các khu vực đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác khoáng sản, trừ các khu vực thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 (sửa đổi, bổ sung) của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP và quyết định phê duyệt sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công thương, Bộ Xây dựng;

b. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định, phê duyệt khu vực đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác khoáng sản đối với các khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại điểm b khoản 1 Điều 56 (sửa đổi, bổ sung) của Luật Khoáng sản và khoản 2 Điều 26 (sửa đổi, bổ sung) của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP;

c. Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp tỉnh công bố khu vực đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác sau khi được phê duyệt.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng quy định nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài nguyên khoáng sản làm cơ sở đấu thầu khai thác khoáng sản.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu thăm dò, đấu thầu khai thác khoáng sản.”

- Bổ sung Điều 23a như sau:

“Điều 23a. Khu vực có khoáng sản thuộc diện dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia

1. Khu vực có khoáng sản thuộc diện dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia bao gồm các khu vực:

a. Đã được điều tra, đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản hoặc thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản cần dự trữ cho mục tiêu phát triển bền vững;

b. Có tiền đề địa chất và dấu hiệu triển vọng về tài nguyên khoáng sản nhưng chưa được đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản hoặc thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Xây dựng xác định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

3. Hoạt động khảo sát, thăm dò và khai thác khoáng sản trong khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia chỉ được thực hiện sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.”

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 như sau:

“2. Diện tích khu vực có kết quả đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mà không nằm trong quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản của cả nước hoặc không thuộc khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản của UBND cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 56 của Luật Khoáng sản.”

- Khoản 2 Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Mức lệ phí độc quyền thăm dò được tính theo quy định sau đây:

Năm thứ 1: 50.000 đồng/ha/năm;

Năm thứ 2: 80.000 đồng/ha/năm;

Năm thứ 3 và 4: 100.000 đồng/ha/năm.”

- Điều 45 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 45. Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc phối hợp thẩm định cấp phép thăm

dò, khai thác và chế biến khoáng sản

1. Trường hợp khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản chưa được phê duyệt và thông báo theo quy định, trước khi cấp giấy phép thăm dò để khai thác khoáng sản hoặc giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản theo thẩm quyền, Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ lấy ý kiến bằng văn bản của UBND cấp tỉnh nơi có khoáng sản về diện tích dự kiến cấp giấy phép thăm dò để khai thác khoáng sản hoặc diện tích khai thác khoáng sản hoặc diện tích xây dựng nhà máy chế biến khoáng sản có hoặc không có liên quan đến khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. UBND cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan kiểm tra, xác định diện tích dự kiến cấp giấy phép thăm dò để khai thác khoáng sản hoặc diện tích xây dựng nhà máy chế biến khoáng sản có hoặc không có liên quan đến khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và trả lời Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản chậm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được văn bản hỏi ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trong trường hợp đặc biệt, cần thăm dò hoặc khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Khoáng sản phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.”

Thay thế cụm từ "Bộ Công nghiệp" tại Điều 4, Điều 6, Điều 12, Điều 21, Điều 22, Điều 37, Điều 41 và Điều 42 của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP bằng cụm từ "Bộ Công Thương", và cụm từ "Sở Công nghiệp" tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP bằng cụm từ "Sở Công Thương".

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

Ngày 10/2/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2009 và thay thế Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Nghị định này hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình; điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA.

Đối với các dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án nhóm A gồm nhiều dự án thành phần, nếu từng dự án thành phần có thể độc lập vận hành, khai thác hoặc thực hiện theo phân kỳ đầu tư thì mỗi dự án thành phần có thể được quản lý, thực hiện như một dự án độc lập. Việc phân chia dự án thành các dự án thành phần do người quyết định đầu tư quyết định.

Đối với các dự án sử dụng vốn khác bao gồm cả vốn tư nhân, chủ đầu tư tự quyết định hình thức và nội dung quản lý dự án; đối với các dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau thì các bên góp vốn thỏa thuận về phương thức quản lý hoặc quản lý theo quy định đối với nguồn vốn có tỷ lệ % lớn nhất trong tổng mức đầu tư.

Nghị định quy định việc giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình,

theo đó dự án sử dụng vốn Nhà nước trên 50% tổng mức đầu tư thì phải được giám sát, đánh giá đầu tư. Đối với dự án sử dụng vốn khác, việc giám sát, đánh giá đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định.

Về thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định quy định, người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định dự án trước khi phê duyệt. Đối với các dự án đã được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư thì người được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định dự án.

Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng Thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư để tổ chức tổ chức thẩm định dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án khác nếu thấy cần thiết. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Chủ tịch Hội đồng Thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư.

Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, cơ quan cấp Bộ tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư. Đầu mối tổ chức thẩm định dự án là đơn vị chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư...

Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở.

Về thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình, đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư các dự án quan trọng quốc gia theo Nghị quyết của Quốc hội và các dự án quan trọng khác; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan cấp Bộ được ủy quyền hoặc phân cấp quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B, C cho cơ quan cấp dưới trực tiếp. Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư các dự án nhóm A, B, C trong phạm vi và khả năng cân đối ngân sách của địa phương sau khi thông qua HĐND cùng cấp.

Nghị định quy định rõ việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình, theo đó công trình xây dựng trước khi triển khai phải được lập thiết kế, có giấy phép xây dựng. Về quản lý thi công xây dựng, tiến độ thi công xây dựng phải phù hợp với tổng tiến độ của dự án đã được phê duyệt. Đối với công trình xây dựng có quy mô lớn và thời gian thi công kéo dài thì tiến độ xây dựng công trình phải được lập cho từng giai đoạn theo tháng, quý, năm; khuyến khích việc

đẩy nhanh tiến độ xây dựng trên cơ sở bảo đảm chất lượng công trình. Trường hợp đẩy nhanh tiến độ xây dựng đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án thì nhà thầu xây dựng được xét thưởng theo hợp đồng; trường hợp kéo dài tiến độ xây dựng gây thiệt hại thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại và bị phạt vi phạm hợp đồng.

(Xem toàn văn tại: www.luatvietnam.vn)

Quyết định số 220/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030

Ngày 18/2/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 220/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung (QHC) xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 (sau đây gọi tắt là Khu kinh tế) với những nội dung chính như sau:

- Khu kinh tế Vân Đồn là khu kinh tế tổng hợp được vận hành theo quy chế riêng nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh và vùng duyên hải Bắc Bộ;

- Là trung tâm du lịch biển, đảo chất lượng cao, trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí cao cấp vùng Bắc Bộ, đảo Hải Nam và các thành phố phía Đông Trung Quốc;

- Là đầu mối giao thương quốc tế, là một trong những động lực chính để phát triển Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; bảo đảm an ninh quốc phòng khu vực Đông Bắc của Tổ quốc.

- Phạm vi nghiên cứu: toàn bộ diện tích Khu kinh tế, bao gồm phần đất liền và mặt biển (thuộc chủ quyền lãnh thổ trên biển của Việt Nam): Phía Bắc và phía Đông Bắc giáp huyện Tiên Yên, huyện Đầm Hà; Phía Đông Nam giáp huyện Cô Tô và vịnh Bắc Bộ; Phía Tây giáp thị

xã Cẩm Phả, thành phố Hạ Long và vùng Vịnh Hạ Long.

- Quy mô diện tích: khoảng 2.171,33 km², trong đó diện tích đất tự nhiên 551,33 km², diện tích mặt biển khoảng 1.620 km².

- Quy mô dân số: Dân số của toàn huyện Vân Đồn hiện trạng năm 2007 khoảng 41.600 người. Dự báo quy mô dân số Khu kinh tế đến năm 2020 đạt khoảng 150.000 người. Tư vấn đề xuất quy mô dân số cụ thể trên cơ sở hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Khu kinh tế và của tỉnh Quảng Ninh nhưng phải bảo đảm phù hợp về ngưỡng dân số và phát triển bền vững.

Quy hoạch xây dựng Khu kinh tế trở thành một khu kinh tế hiện đại, đồng bộ, bảo đảm phát triển theo các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn. Quy hoạch phải có tính khoa học, kế thừa các quy hoạch đã và đang triển khai trong khu vực. Quy hoạch xây dựng Khu kinh tế phải đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội - chính trị ổn định gắn với an ninh - quốc phòng và phát triển bền vững với các mục tiêu:

- Xây dựng Khu kinh tế năng động, đầu mối giao thương, tạo động lực phát triển kinh tế cho tỉnh Quảng Ninh, Vùng duyên hải Bắc Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

- Hình thành các khu du lịch biển, đảo bền vững và chất lượng cao, tạo điểm đến du lịch giải trí vui chơi cao cấp.

- Tạo môi trường an sinh bền vững, sinh động và chất lượng cao cho người dân trong vùng.

- Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa Khu kinh tế với Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố cửa khẩu Móng Cái, đảo Hải Nam và với Trung Quốc.

- Bảo đảm quốc phòng - an ninh xã hội và khẳng định chủ quyền lãnh thổ trên biển.

- Làm cơ sở pháp lý để thu hút các nguồn vốn, chuẩn bị đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch, bảo đảm phát triển bền vững.

Căn cứ vào quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành về quy hoạch xây dựng và theo đặc thù là khu kinh tế có tính chất du lịch, dịch vụ sinh thái biển, đảo, khuyến khích tư vấn nghiên cứu, áp dụng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế nhưng phải đảm bảo phù hợp với điều kiện của Khu kinh tế, theo hướng hiện đại, mang tầm quốc tế và được Bộ Xây dựng xem xét, chấp thuận.

Về đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng:

- Phân tích, đánh giá mối liên hệ vùng trong tỉnh Quảng Ninh, Vùng duyên hải Bắc Bộ, trong toàn quốc cũng như các nước trong khu vực, đặc biệt là mối quan hệ với khu vực phía Nam Trung Quốc;

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên; hiện trạng về kinh tế xã hội, đất đai, dân số lao động, hạ tầng kỹ thuật,... của Khu kinh tế;

- Làm rõ các ưu điểm, hạn chế, tiềm năng và thách thức trong quá trình hình thành, phát triển của Khu kinh tế.

Về phân khu chức năng trên cơ sở các động lực chính phát triển Khu kinh tế gồm:

- Khu du lịch: là động lực chính để phát triển, bố trí các loại hình du lịch: sinh thái; vui chơi giải trí cao cấp; văn hoá - di tích lịch sử và loại hình du lịch khác.

- Khu trung tâm tài chính và thương mại

quốc tế: bao gồm các khu tài chính, phi thuế quan, thương mại, dịch vụ hàng hải...

- Trung tâm đầu mối giao thông và hậu cần quốc tế: xây dựng sân bay quốc tế Vân Đồn, các công trình đầu mối - dịch vụ giao thông thuỷ - bộ và hàng không, kết nối hạ tầng với đất liền và với Trung Quốc;

- Khu công nghiệp sạch: các ngành công nghiệp sạch có giá trị cao và thân thiện với môi trường.

- Các khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản: phát triển các vùng nông nghiệp, đa dạng giống cây trồng và vật nuôi; các vùng trồng đặc sản địa phương, cây thuốc...; nghiên cứu mở rộng và phát triển nuôi trồng thuỷ sản gắn với hoạt động du lịch.

- Các khu chức năng khác: khu đô thị sinh thái - dịch vụ biển nằm trên đảo Cái Bầu và một số đảo lớn khác có nhiều cư dân sinh sống.

Nghiên cứu các phương án tổ chức không gian quy hoạch và lựa chọn phương án tối ưu, theo các tiêu chí sau:

- Bảo đảm tính hiện đại, giàu bản sắc dân tộc, hài hoà với cảnh quan thiên nhiên, hạn chế tối đa tác động đến cảnh quan môi trường.

- Có giải pháp về cơ cấu tổ chức không gian phù hợp với tính chất của Khu kinh tế.

- Đảm bảo thuận tiện cho các hoạt động giao thông và làm việc trong Khu kinh tế.

Quy hoạch sử dụng đất: Tính toán tổng hợp nhu cầu sử dụng đất toàn Khu kinh tế; chỉ tiêu về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao tối đa - tối thiểu của các khu chức năng trong Khu kinh tế phải đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất - nước - biển và phát triển bền vững của Khu kinh tế.

Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật như sau:

- Hệ thống giao thông: Bảo đảm liên hệ thuận tiện giữa các khu chức năng trong Khu kinh tế gắn kết với hệ thống giao thông của tỉnh Quảng Ninh, quốc gia và quốc tế; Dự báo nhu cầu vận chuyển hành khách, hàng hoá và các loại phương tiện giao thông trong Khu kinh tế

để xác định quỹ đất xây dựng dành cho các phương tiện giao thông sẽ phát triển trong tương lai, phát triển và tổ chức mạng lưới giao thông vận tải hành khách công cộng hiện đại, các đầu mối chuyển tiếp vận tải giữa đường bộ - đường sắt - đường thủy và hàng không. Cụ thể cần nghiên cứu phát triển:

+ Về đường bộ: nghiên cứu xây dựng hệ thống đường bộ để kết nối các phân khu chức năng trên đảo Cái Bầu với hệ thống đường bộ quốc gia và khu vực;

+ Về đường hàng không: lựa chọn địa điểm xây dựng sân bay Vân Đồn; nghiên cứu, đề xuất một số sân bay cho máy bay trực thăng trên các đảo của Khu kinh tế;

+ Về đường sắt: nghiên cứu xây dựng hệ thống đường sắt nhẹ kết nối các trung tâm - khu chức năng quan trọng, với sân bay và hệ thống đường sắt quốc gia;

+ Về đường thủy: lựa chọn và hình thành hệ thống cảng hành khách quốc tế, có quy mô phù hợp trong Khu kinh tế.

- Chuẩn bị kỹ thuật:

+ San nền: Xác định cốt xây dựng tối ưu cho từng khu vực trên cơ sở tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, tránh phá vỡ cảnh quan. Đề xuất các giải pháp kỹ thuật xây dựng công trình phù hợp với địa hình, phù hợp với các công trình đầu mối cơ bản; Tính toán, xác định khối lượng đất đào và khối lượng đất đắp hợp lý, phù hợp với điều kiện địa hình.

+ Thoát nước mưa: Nghiên cứu thoát nước mặt theo lưu vực, hạn chế tập trung các dòng chảy làm phá vỡ địa hình tự nhiên để đưa ra giải pháp quy hoạch hệ thống thoát nước mưa phù hợp. Tính toán các giải pháp thu gom, thoát nước mưa bằng các hồ điều hoà - hồ chứa nước trên các đảo Quan Lạn, Bản Sen, Ba Mùn phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất.

- Cấp điện:

+ Xác định nhu cầu dùng điện theo các giai đoạn, nguồn điện và thiết lập hệ thống cấp điện và các tuyến cáp thông tin liên lạc cho phù hợp và liên thông các đảo.

- Cấp nước:

+ Xác định nhu cầu dùng nước, nguồn nước và thiết lập hệ thống cấp nước cho phù hợp.

+ Nghiên cứu địa hình tận dụng nguồn nước mặt của đảo, nâng cấp và xây mới hệ thống hồ đập nhằm khai thác tối đa nguồn nước tại chỗ, hạn chế đưa nước từ đất liền ra đảo, đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt cho dân cư và khách du lịch, nước sản xuất công nghiệp, nước dịch vụ công cộng và thương mại, cứu hỏa...

- Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

+ Thoát nước thải: Căn cứ vào nhu cầu dùng nước, địa hình khu vực để tính toán lượng nước thải để thu gom, phân loại và xử lý nước thải phù hợp; Nghiên cứu hệ thống xử lý nước thải cục bộ cho các đảo, nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phải được xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra biển.

+ Vệ sinh môi trường: Tính toán quy mô, lựa chọn vị trí và giải pháp thu gom và xử lý rác thải hợp lý, tránh làm ảnh hưởng đến môi trường và mỹ quan khu vực; Lựa chọn các khu đất xây dựng nghĩa trang của Khu kinh tế đảm bảo không ảnh hưởng đến cảnh quan - môi trường, phù hợp với giai đoạn trước mắt và lâu dài.

- Quy hoạch xây dựng ngắn hạn đến năm 2015: Quy hoạch, tổ chức không gian của Khu kinh tế đến năm 2015; các giải pháp kiểm soát và quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị đến năm 2015; Quy hoạch sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật - xã hội đến năm 2015; Đề xuất chương trình và các dự án ưu tiên đầu tư trong gian đoạn 2009 - 2015 phù hợp với nguồn lực; các cơ chế chính sách phát triển dự án ưu tiên có tính chất đặc thù của Khu kinh tế như: các khu du lịch, khu đô thị trên các đảo, gìn giữ và bảo tồn Vườn quốc gia, các khu vực sinh thái môi trường...; Đề xuất giải pháp khai thác các nguồn vốn đầu tư: ngân sách Nhà nước; tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; các tổ chức, cá nhân đầu tư trong nước và nước ngoài; các tổ chức xã hội, nghề nghiệp.

- Triển khai đánh giá môi trường chiến lược đối với các quy hoạch, các dự án, kế hoạch

phát triển trong Khu kinh tế theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, bảo đảm giữ gìn môi trường, sinh thái và cảnh quan khu vực, phát triển ổn định, bền vững; Đánh giá môi trường chiến lược Khu kinh tế phải đặt trong mối quan hệ tác động trong tỉnh Quảng Ninh như: thành phố Hạ Long, Vịnh Hạ Long, thị xã Cẩm Phả, Khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà, huyện đảo Cô Tô, huyện Tiên Yên, Vườn quốc gia Bái Tử Long....

Dự thảo quy định về quản lý xây dựng: Đề xuất các vấn đề liên quan đến tổ chức quản lý, triển khai quy hoạch và các nguồn lực tài chính phát triển đô thị; Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị trên cơ sở nghiên cứu thiết kế đô thị cho các khu chức năng của Khu kinh tế bao gồm các chỉ tiêu cơ bản (về mật độ xây dựng, tầng cao, các chỉ dẫn khác về kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật đô thị) và các chỉ số liên quan khác.

Hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và quy định hiện hành về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng. Số lượng, nội dung bản vẽ quy hoạch là những bản vẽ chủ yếu cần thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và các quy định hiện hành. Để nâng cao tính thuyết phục và hiệu quả đồ án, khuyến

khích tổ chức tư vấn nghiên cứu, thể hiện nhiều bản vẽ, sơ đồ, minh họa chi tiết cho từng ý tưởng phát triển các khu chức năng với chất lượng và phương pháp tiếp cận quốc tế.

- Về tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan quản lý dự án quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

+ Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Đồn;

+ Cơ quan nghiên cứu, đề xuất quy hoạch: Tập đoàn Giải pháp toàn cầu Thiên niên kỷ MIGS (Mỹ) - Công ty DPZ Pacific (Malaysia) và Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn (Việt Nam);

+ Cơ quan thẩm định và trình duyệt: Bộ Xây dựng;

+ Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ;

+ Tiến độ thực hiện: 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh có trách nhiệm bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế; phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan tổ chức lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại vietnam.gov.vn)

Thông tư số 27/2009/TT- BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân

Ngày 6/2/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 27/2009/TT- BTC tạm thời hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân như sau:

- Đối tượng được giãn nộp thuế thu nhập cá nhân quy định tại Thông tư này bao gồm:

+ Cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế từ

kinh doanh; thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán); thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ nhận thừa kế; thu nhập từ nhận quà tặng;

+ Cá nhân không cư trú có thu nhập chịu

thuế từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán); thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại.

- Các đối tượng không được giãn nộp thuế:

+ Cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ trúng thưởng; Cá nhân không cư trú (kể cả trường hợp không hiện diện tại Việt Nam hoặc rời Việt Nam trước ngày 30/6/2009) có thu nhập từ kinh doanh;

+ Thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ trúng thưởng; thu nhập từ nhận thừa kế; thu nhập từ nhận quà tặng.

Thời gian được giãn nộp thuế: từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/5/2009.

Số thuế thu nhập cá nhân được giãn thời hạn nộp thuế được xác định như sau:

- Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú: là số thuế thu nhập cá nhân đơn vị chi trả thu nhập phải khấu trừ hàng tháng hoặc số thuế thu nhập cá nhân do cá nhân trực tiếp kê khai hàng tháng (đối với các cá nhân phải trực tiếp khai thuế).

- Đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán), từ bản quyền, nhượng quyền thương mại: là số thuế thu nhập cá nhân phải kê khai hoặc đơn vị chi trả thu nhập khấu trừ theo từng lần phát sinh thu nhập.

- Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, nhận quà tặng của cá nhân cư trú: là số thuế thu nhập cá nhân phải kê khai theo từng lần phát sinh thu nhập.

- Đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú:

+ Đối với trường hợp tạm nộp thuế thu nhập cá nhân theo quý: Trường hợp cá nhân kinh doanh thực hiện đúng chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ, hạch toán được doanh thu, chi phí, nộp thuế theo kê khai thì số thuế thu nhập cá nhân được giãn nộp là số thuế quý tạm tính theo kê khai. Trường hợp cá nhân kinh doanh

chỉ hạch toán được doanh thu kinh doanh, không hạch toán được chi phí số thuế thu nhập cá nhân được giãn nộp là số thuế quý tạm nộp tính theo doanh thu kê khai và tỷ lệ thu nhập chịu thuế. Trường hợp cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán ổn định thì số thuế được giãn nộp là số thuế khoán phải nộp trong quý đã được cơ quan thuế thông báo.

+ Đối với cá nhân cho thuê nhà, cho thuê tài sản thu tiền một lần cho nhiều tháng, số thuế thu nhập cá nhân được giãn nộp là số thuế tương ứng với tháng được giãn nộp.

+ Đối với cá nhân kinh doanh lưu động, cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán ổn định có nhu cầu xuất hoá đơn lẻ thì số thuế thu nhập cá nhân được giãn nộp được xác định bằng số thuế tạm nộp tính trên doanh thu cho từng chuyến hàng hoặc doanh thu ghi trên hoá đơn lẻ.

+ Đối với cá nhân nhận đại lý bán hàng hoá hưởng hoa hồng (bảo hiểm, xổ số...): số thuế thu nhập cá nhân được giãn nộp là số thuế đơn vị chi trả hoa hồng tạm khấu trừ hàng tháng.

Đối với các trường hợp không được giãn nộp thuế, tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập và cá nhân có thu nhập vẫn thực hiện kê khai nộp thuế theo quy định tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Trình tự, thủ tục giãn nộp thuế được quy định như sau:

- Đối với các khoản thu nhập phải khấu trừ thuế: tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập phải khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho các đối tượng được giãn nộp thuế, khi trả thu nhập vẫn tính số thuế phải khấu trừ và thông báo cho cá nhân nhận thu nhập biết số thuế khấu trừ được tạm giãn nộp; hàng tháng vẫn phải lập tờ khai số thuế đã khấu trừ theo quy định hiện hành và nộp tờ khai cho cơ quan thuế để cơ

quan thuế nắm được số thuế phát sinh nhưng được giãn nộp thuế.

- Đối với các khoản thu nhập cá nhân nộp thuế phải trực tiếp kê khai với cơ quan thuế: Cá nhân thuộc đối tượng được giãn nộp thuế có các khoản thu nhập theo quy định phải khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế vẫn phải lập và nộp tờ khai thuế theo quy định hiện hành.

- Số thuế được giãn nộp, cá nhân có thu nhập được giữ lại trong thời gian được giãn. Đến tháng 5 năm 2009, Chính phủ sẽ trình Quốc hội quyết định việc xử lý số thuế được giãn nộp này, khi đó sẽ thực hiện theo quyết định của Quốc hội.

- Xử lý vi phạm: Trong thời gian được giãn nộp thuế, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, cá nhân có các khoản thu nhập thuộc đối tượng

được giãn nộp thuế không bị coi là vi phạm chậm nộp thuế và không bị xử phạt hành chính về hành vi chậm nộp tiền thuế đối với số thuế được giãn nộp. Các hành vi vi phạm khác về khấu trừ thuế, khai thuế vẫn bị xử phạt hành chính theo các quy định của Luật quản lý thuế. Hết thời hạn giãn nộp thuế, tổ chức, cá nhân được giãn nộp thuế phải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho các khoản thu nhập phát sinh từ ngày 01/01/2009. Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc đề nghị có ý kiến về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời.

(Xem toàn văn tại: www.moj.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 3/2/2009, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 13/2009/QĐ - UBND ban hành Quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Quy định này điều chỉnh công tác quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của thành phố Hồ Chí Minh.

Các chương trình, dự án ODA thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Các chương trình, dự án ODA do UBND thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chủ quản; Các chương trình, dự án ODA thành phần thuộc các chương trình, dự án ODA của các Bộ, ngành Trung ương do UBND thành phố

Hồ Chí Minh là cơ quan chủ quản.

Đối tượng áp dụng của Quy định này là tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức, thực hiện các chương trình, dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức; tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác quản lý thực hiện các chương trình, dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

Vốn ODA được ưu tiên sử dụng cho những chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực:

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn (bao gồm nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản) kết hợp xóa đói, giảm nghèo.

- Xây dựng hạ tầng kinh tế đồng bộ theo hướng hiện đại.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội (y tế, giáo

dục đào tạo, dân số và phát triển và một số lĩnh vực khác).

- Bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Tăng cường năng lực thể chế và phát triển nguồn nhân lực; chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và triển khai.

- Một số lĩnh vực khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Quy định này gồm 6 chương, 28 điều. Chương I - Những quy định chung; Chương II - Vận động và xây dựng, danh mục các chương trình, dự án ODA.; Chương III - Lập văn kiện và thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án ODA; Chương IV - Ký kết điều ước quốc tế cụ thể về ODA; Chương V - Quản lý thực hiện chương trình, dự án ODA; Chương VI - Tổ chức thực hiện.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan đầu mối quản lý các nguồn ODA của thành phố. Sở Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ:

- + Chủ trì, soạn thảo kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA của Thành phố, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố xây dựng danh mục và đề cương các chương trình, dự án ưu tiên vận động ODA, tổng hợp danh mục các chương trình, dự án ODA trình UBND thành phố phê duyệt, dự thảo danh mục cho UBND thành phố gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Phối hợp với các đơn vị có liên quan chuẩn bị nội dung tham mưu cho UBND thành phố tiến hành đàm phán Điều ước quốc tế cụ thể về dự án ODA.

- + Tổng hợp kế hoạch giải ngân nguồn vốn ODA hàng năm. Phối hợp với Sở Tài chính cân đối và bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn đối ứng đối với các chương trình, dự án ODA thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát cho các giai đoạn chuẩn bị dự án, chuẩn bị thực hiện dự án và thực hiện dự án.

- + Là cơ quan đầu mối phối hợp các ngành, các cấp thực hiện việc theo dõi, đánh giá, kiểm

tra hoạt động của các chương trình, dự án ODA. Báo cáo, tổng hợp định kỳ và đột xuất tình hình chung về quản lý, thực hiện các chương trình, dự án ODA.

- + Hướng dẫn và phổ biến các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về vận động, chuẩn bị, quản lý, thực hiện, theo dõi, đánh giá các chương trình, dự án ODA cho các đơn vị có liên quan và cho các Chủ dự án, các Ban quản lý dự án.

- Sở Tài chính có nhiệm vụ:

- + Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc cân đối và bố trí vốn đối ứng từ nguồn ngân sách thực hiện dự án định kỳ theo kế hoạch hàng năm, kế hoạch đột xuất sử dụng vốn. Kiểm tra giám sát việc sử dụng và quyết toán dự án ODA.

- + Quản lý nhà nước đối với công tác tổ chức hạch toán, kế toán ngân sách nhà nước nguồn vốn ODA, tổng hợp số liệu rút vốn, thanh toán và trả nợ đối với chương trình, dự án ODA, báo cáo UBND thành phố, các cơ quan Bộ - ngành Trung ương; thẩm định và trình duyệt quyết toán đầu tư các dự án ODA theo quy định.

- + Phối hợp cùng Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng có liên quan tham mưu UBND thành phố quy định cụ thể về quy trình thực hiện các thủ tục giải ngân cho các dự án ODA nhằm bảo đảm thực hiện đúng các hợp đồng đã ký.

- + Phối hợp với Cục Thuế thành phố hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với các chương trình, dự án; quản lý vốn và tài sản của các dự án.

- Sở Nội vụ có nhiệm vụ:

- + Là cơ quan đầu mối phối hợp với các Sở - ngành liên quan tham mưu để UBND thành phố bố trí nhân sự chủ chốt cho các chương trình, dự án ODA, hướng dẫn các thủ tục giải thể các tổ chức đã kết thúc nhiệm vụ đối với dự án ODA.

- + Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn năng lực và nghiệp vụ đối với các chức danh chủ chốt của các Chủ dự án, Ban quản lý dự án ODA quan trọng làm cơ sở cho việc bố trí, các tiêu chí và chế độ đánh giá năng lực thực hiện

nhiệm vụ của các Chủ dự án và tham mưu UBND thành phố về mô hình tổ chức hoạt động của các Chủ dự án và Ban quản lý dự án ODA; chủ trì triển khai công tác tăng cường năng lực cho các Chủ dự án, Ban quản lý dự án ODA của Thành phố.

- Các Sở - ban - ngành khác có liên quan đến dự án ODA có nhiệm vụ:

+ Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo chuyên ngành, giải quyết các kiến nghị của các Chủ dự án thuộc thẩm quyền xử lý của ngành trong thời hạn được quy định. Bố trí nhân sự thực hiện công tác theo dõi về ODA để đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước và phối hợp với các dự án ODA trong phạm vi ngành phụ trách.

+ Phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất bố trí nhân

sự chủ chốt cho các dự án ODA quan trọng thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

- UBND các quận - huyện có nhiệm vụ:

+ Phối hợp với các Chủ dự án triển khai các công tác liên quan đến việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận - huyện quản lý, bảo đảm tiến độ thực hiện của dự án. Xử lý các vấn đề có liên quan đến công tác bồi thường và tái định cư theo thẩm quyền giải quyết đã được UBND thành phố quy định.

+ Phối hợp với các Chủ dự án nghiên cứu đề xuất các vấn đề liên quan đến dân cư, cộng đồng, quy hoạch, bảo vệ môi trường trên địa bàn trong quá trình thực hiện dự án.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 09/2009/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh KonTum về việc ban hành mức thu, tỷ lệ phân bổ số thu, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán phí Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh KonTum

Ngày 5/2/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh KonTum đã ban hành Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND về việc ban hành mức thu, tỷ lệ phân bổ số thu, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán phí Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh KonTum.

Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn là các tổ chức, cá nhân có thải chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại trong quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác. Theo quy định: chất thải rắn nguy hại là chất thải rắn có tên trong Danh mục chất thải nguy hại ban hành kèm theo Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục chất thải rắn nguy hại; Chất thải rắn không có tên trong Danh mục các chất thải rắn nguy hại là chất thải rắn thông thường.

Đối tượng không chịu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn:

- Cá nhân, hộ gia đình thải chất thải rắn thông thường phát thải trong sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình;

- Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn nhưng tự xử lý hoặc ký hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn đảm bảo tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật.

- Đối với chất thải rắn thông thường thì mức thu tối đa bằng 10% mức thu phí vệ sinh (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 19/2007/QĐ-UBND ngày 20/6/2007). Riêng các Trung tâm thương mại, chợ thì mức thu tối đa bằng 10% số thu phí vệ sinh đối với Trung tâm thương mại, chợ. Khi mức thu phí vệ sinh được điều chỉnh thì mức thu phí bảo vệ môi

trường đối với chất thải rắn được điều chỉnh theo tỷ lệ quy định trên.

- Đối với chất thải rắn nguy hại thì mức thu tối đa là 6.000.000 đồng /tấn.

Đối với chất thải rắn thông thường thì số thu phí sẽ được phân bổ để lại đơn vị thu là 30% và nộp ngân sách nhà nước: 70%

- Đối với chất thải rắn nguy hại thì để lại đơn vị thu là 5% và nộp ngân sách 95%

Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí phối hợp với cơ quan thuế để được hướng dẫn in ấn, phát hành, sử dụng và thanh quyết toán biên lai theo quy định hiện hành.

Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm kê khai, nộp số thu phí quy định vào ngân sách theo mục lục ngân sách Nhà nước.

Số tiền được trích để lại cho đơn vị thu phí được chi như sau:

- Chi trả tiền lương, tiền công cho bộ phận thu

- Chi phục vụ công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn.

- Chi mua vật tư, dụng cụ phục vụ công tác.

- Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thu phí trong đơn vị theo quy định hiện hành tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định

pháp luật về phí và lệ phí.

Đơn vị sử dụng kinh phí đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp và thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Kết thúc năm ngân sách, số thu để lại đơn vị sử dụng không hết thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Kết thúc quý, năm tài chính các đơn vị có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán thu, chi gửi cơ quan cấp trên và cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định hiện hành.

Công khai chế độ thu phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo và khen thưởng, xử lý vi phạm được thực hiện theo Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP, ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP, ngày 03/6/2002 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí và lệ phí; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC, ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính và Pháp luật nhà nước hiện hành.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại vietnam.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

“Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng hợp cải thiện điều kiện môi trường nước một số hồ đô thị đặc trưng cho các vùng sinh thái khác nhau”

Ngày 02/01/2009 Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu kết quả của đề tài “Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng hợp cải thiện điều kiện môi trường nước một số hồ đô thị đặc trưng cho các vùng sinh thái khác nhau” do TS. Trần Đức Hạ - Công ty Cổ phần Nước và môi trường Việt Nam làm chủ nhiệm đề tài.

Chức năng, vai trò của hồ đô thị là tạo cảnh quan môi trường, là nơi vui chơi, giải trí, hình thành bộ khung sinh thái đô thị, điều hoà và xử lý. Tuy nhiên, hiện nay các hồ đô thị đang bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi các loại chất thải có nguồn gốc khác nhau. Các sông hồ, kênh mương nội thành các đô thị lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế... đang bị ô nhiễm nặng do tiếp nhận một phần nước thải sinh hoạt và các loại nước thải khác của đô thị. Các hồ nội thành phần lớn ở trạng thái phú dưỡng. Mặc dù hệ thống cống thoát nước và sông, kênh, hồ của một số thành phố đã được cải tạo, nhưng sự cải tạo cũng như biện pháp quản lý chưa đồng bộ nên nhiều kênh, mương, hồ vẫn bị ứ đọng nước thải. Nhiều hồ bị phú dưỡng hoá đột biến và tái nhiễm bản hữu cơ.

Trước thực trạng trên Công ty Cổ phần Nước và môi trường Việt Nam đã thực hiện đề tài: “Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng hợp cải thiện môi trường nước một số hồ đô thị đặc trưng cho các vùng sinh thái khác nhau”.

Mục tiêu của đề tài là đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường nước và khả năng tự làm sạch của các hồ đô thị đặc trưng cho các vùng địa lý và sinh thái khác nhau, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp tổng hợp nhằm khắc phục,

hạn chế ô nhiễm, cải thiện chất lượng nước và nâng cao hiệu quả sử dụng hồ đô thị, nghiên cứu và xây dựng phương pháp phù hợp để cải thiện môi trường nước cho các hồ đô thị ở vùng sinh thái và địa lý khác nhau.

Phạm vi nghiên cứu bao gồm các hồ đô thị ở các tỉnh có điều kiện sinh thái khác nhau: Hải Phòng (ven biển chịu ảnh hưởng thủy triều), Đà Nẵng (khu vực miền Trung), Bắc Ninh (khu vực đồng bằng Bắc Bộ).

Với mục tiêu nghiên cứu nêu trên, đề tài đã thực hiện những nội dung chủ yếu như sau:

- Khảo sát, tìm hiểu, xác định sự hình thành và chức năng các loại hồ đô thị ở các vùng sinh thái và địa lý khác nhau;

- Thu thập số liệu, lấy mẫu phân tích chất lượng nước một số hồ đặc trưng ở các đô thị nghiên cứu để đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường nước hồ (5 hồ ở Hải Phòng, Đà Nẵng và Bắc Ninh);

- Đánh giá khả năng tự làm sạch của các hồ đô thị trong phạm vi nghiên cứu;

- Thiết lập và ứng dụng các mô hình tính toán, dự báo diễn biến chất lượng nước hồ do quá trình đô thị hoá;

- Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật cải thiện chất lượng nước đối với từng loại hồ đô thị: Tách nước thải, tăng cường quá trình pha loãng nước hồ với nước thải, xử lý nước thải trước khi xả vào hồ, làm giàu oxy cho hồ, tăng cường khả năng tự làm sạch của hồ bằng thủy sinh vật...

- Đề xuất qui chế quản lý ô nhiễm các hồ phù hợp với quá trình đô thị hoá;

- Đề xuất các biện pháp tổng hợp nhằm đảm bảo khả năng điều tiết nước mưa và khả năng

tự làm sạch của các hồ đô thị nghiên cứu;

- Đề xuất phương pháp chung để nghiên cứu cải thiện môi trường nước và kiểm soát ô nhiễm các hồ đô thị, phù hợp với điều kiện địa phương.

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn các hồ đô thị nước ta nằm ở vùng đồng bằng do các sông bồi đắp, địa hình thấp nên hồ nội thành đóng vai trò điều hoà nước mưa, tiếp nhận nước thải. Các hồ nội thành có diện tích từ một vài hécta đến hàng trăm hécta. Hồ đô thị thường nối với nhau tạo thành hệ thống chức năng thống nhất. Diện tích của chúng thường chiếm từ 6% đến 12% diện tích đất đô thị.

Chức năng và vai trò của các hồ trong sự phát triển đô thị thường là tạo cảnh quan đẹp và điều hòa vi khí hậu, điều tiết nước mưa, tiếp nhận và xử lý nước thải, nuôi cá.

Các tác nhân và nguồn gây ô nhiễm nước hồ đô thị là sự phát triển không đồng bộ của quy hoạch phát triển vùng, thành phố và thoát nước. Tốc độ phát triển đô thị, phát triển công nghiệp quá nhanh, hệ thống thoát nước được xây dựng từ rất lâu, đã xuống cấp. Các thành phố không có trạm xử lý nước thải. Các thủy vực trong đó có hồ đô thị là nơi tiếp nhận toàn bộ lượng thải từ các hoạt động sinh hoạt, sản xuất của địa bàn lân cận, vượt quá khả năng tự làm sạch của hồ. Ý thức của cộng đồng trong bảo vệ môi trường còn hạn chế. Quá trình thải bỏ chất thải rắn và các chất thải nguy hại vào hồ từ các khu dân cư bên cạnh hồ làm giảm chất lượng nước hồ.

Kết quả đánh giá mức độ ô nhiễm các hồ hiện nay cho thấy hầu hết các chỉ tiêu chất lượng nước như SS, BOD, COD, N, P ...đều cao gấp 3 - 20 lần, tổng coliform cao gấp 10 -10000 so với TCVN 6774-2000; dạng ô nhiễm chính là dinh dưỡng và hữu cơ. Hiện tượng phú dưỡng diễn ra phổ biến; nồng độ các chất ô nhiễm tăng dần theo thời gian.

Công tác quản lý hồ còn nhiều bất cập, chồng chéo, hiệu quả thấp. Để công tác quản lý đạt hiệu quả cao cần áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, các công cụ kinh tế, pháp lý và tuyên truyền, giáo dục. Đối với đối

tượng cụ thể, cần phải nghiên cứu kỹ để đưa ra giải pháp tối ưu nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ hồ trong cả giai đoạn trước mắt và lâu dài.

Giải pháp kỹ thuật tổng hợp để cải thiện chất lượng nước hồ đô thị là kết hợp hạn chế xả chất thải vào hồ với tăng cường quá trình tự làm sạch trong hồ. Quy hoạch thoát nước, tách nước thải và xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường trước khi xả vào hồ là các biện pháp kỹ thuật cần thiết để giảm thiểu tải lượng ô nhiễm vào hồ. Nạo vét và kè hồ là các biện pháp bảo tồn hồ. Tuy nhiên để cải thiện chất lượng nước hồ đô thị, các biện pháp tăng cường quá trình tự làm sạch trong hồ là cần thiết.

Đó là các biện pháp tăng cường điều kiện thủy động học trong hồ bằng cách xả nước mưa và nước thải phân tán và có áp lực, làm giàu oxy cho hồ bằng sục khí, tạo vòi phun, ... Chất lượng nước hồ còn có thể được nâng cao nhờ nuôi trồng thực vật thủy sinh, bổ sung chế phẩm sinh học hoặc duy trì sự ổn định thành phần sinh vật (hệ sinh thái) trong hồ nhờ nuôi cá, trai, hến,...Cải thiện chất lượng nước hồ không chỉ bằng một giải pháp duy nhất mà phải bằng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp.

Kết quả khảo sát, đánh giá tình trạng ô nhiễm hệ thống hồ đô thị ở 3 thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Bắc Ninh đặc trưng cho các vùng sinh thái khác nhau cho thấy các hồ đô thị trong các thành phố này có chức năng ưu tiên khác nhau. Tuy nhiên đô thị hóa làm cho tình trạng ô nhiễm hồ có xu thế tăng lên. Đề tài đã nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng hợp cụ thể cho các hồ An Biên (Hải Phòng), Bàu Tràm và Đầm Rong 2 (Đà Nẵng) và hồ Thành (Bắc Ninh). Các giải pháp kỹ thuật tổng hợp đề xuất phù hợp với nội dung các dự án thoát nước và vệ sinh cho các đô thị này. Nước hồ sau quá trình cải tạo theo hướng đề xuất luôn đảm bảo tiêu chuẩn môi trường quy định cho nguồn nước mặt loại B.

Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu và đánh giá đề tài đạt loại khá.

Huỳnh Phước

Dự án “Điều tra, khảo sát kiến trúc nhà ở truyền thống các dân tộc miền núi phía Bắc và Tây Nguyên - Đề xuất bảo tồn và khai thác giá trị kiến trúc nhà ở truyền thống”

Ngày 12/02/2009, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu dự án “Điều tra, khảo sát kiến trúc nhà ở truyền thống các dân tộc miền núi phía Bắc và Tây Nguyên - Đề xuất bảo tồn và khai thác giá trị kiến trúc nhà ở truyền thống” do TS.KTS Nguyễn Đình Toàn - Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị & nông thôn - Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm dự án.

Dự án tập trung khảo sát, đánh giá hệ thống kiến trúc nhà ở của đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, nghiên cứu sơ bộ về các đối tượng kiến trúc khác như nhà công cộng, nhà mồ, nhà kho... để có đánh giá tổng hợp và có cái nhìn tổng quan về quỹ kiến trúc của khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

Cụ thể, dự án đã tập trung khảo sát loại hình kiến trúc nhà ở tại 9 tỉnh, 23 dân tộc:

- Miền núi phía Bắc:
 - + Quảng Ninh (Sán Chay, Cao Lan, Sán Chỉ, Sán Diu, Hoa)
 - + Lạng Sơn (Tày, Nùng)
 - + Tuyên Quang (Dao – Dao Đỏ, Tày)
 - + Lai Châu (Giáy, Hmông, Thái, Hà Nhì, Lào, Lự)
 - + Lào Cai (Hà Nhì, Hmông)
- Vùng Tây Nguyên:
 - + Đắk Lắk (Ê Đê, Xơ Đăng)
 - + Lâm Đồng (Cơ Ho, Mạ, Mông, Chu Ru)
 - + Kon Tum (Giẻ Triêng, Ba Na)
 - + Gia Lai (Gia Rai)

Bên cạnh đó, dự án cũng nghiên cứu và khảo sát các loại hình kiến trúc cộng đồng (nhà Rông), kiến trúc tín ngưỡng (nhà mồ), các loại hình kiến trúc như chòi, kho thóc, lều, các bố cục làng truyền thống... là những thành tố quan trọng làm nên quỹ kiến trúc miền núi phía Bắc và Tây Nguyên mang đậm sắc thái địa phương.

Dự án đi sâu khảo sát đánh giá về tổ chức không gian kiến trúc (công năng, môi trường cảnh quan, giá trị kiến trúc, mỹ thuật) nhà ở các tộc người miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Ngoài ra, dự án cũng nghiên cứu về kỹ thuật, vật liệu xây dựng (kết cấu, vật liệu bao che...) theo đặc trưng mỗi dân tộc và địa phương. Các kết quả nghiên cứu của Dự án được áp dụng cho công tác bảo tồn, phát triển du lịch tại các địa phương khảo sát và trong công tác quản lý kiến trúc, quy hoạch các không gian làng bản và nhà ở của đồng bào dân tộc.

Mục tiêu của dự án là xây dựng hệ thống dữ liệu về nhà ở dân gian các dân tộc Việt Nam. Đánh giá mối liên hệ, ảnh hưởng giữa văn hoá, xã hội, địa hình tự nhiên với kiến trúc (kỹ thuật, bố cục, chức năng, không gian) của nhà ở của các dân tộc Việt Nam; Phục vụ công tác quản lý kiến trúc, quy hoạch mới, đặt cơ sở khai thác những giá trị kiến trúc tại các địa điểm khảo sát; Bảo tồn và phát huy kiến trúc truyền thống các dân tộc ít người trong thời kỳ đổi mới. Đề xuất những giải pháp khai thác có giá trị kiến trúc, nghệ thuật, công năng...; Bảo tồn và khai thác phát triển du lịch nhằm quảng bá hình ảnh đặc trưng kiến trúc của địa phương.

Để thực hiện dự án này, nhóm dự án đã tiến hành sưu tầm, thu thập các tư liệu kiến trúc nhà ở các dân tộc qua các tư liệu và hiện vật sưu tầm dân tộc học, vẽ ghi, ký hoạ, các nghiên cứu sưu tầm văn hoá các dân tộc ở các vùng, miền. Nhóm đề tài cũng căn cứ vào các dữ liệu, tư liệu có liên quan và các nghiên cứu về hiện trạng kiến trúc, như bố cục buôn làng, bản làng, bố cục mặt bằng, phân chia không gian, cấu kiện, kỹ thuật lắp dựng, vật liệu xây dựng.

Sau quá trình đi sâu điều tra nghiên cứu,

nhóm đề tài đã hoàn thành bản báo cáo tổng hợp kết quả điều tra khảo sát kiến trúc nhà ở một số dân tộc ở vùng núi phía Bắc và Tây Nguyên (trong đó có đầy đủ bản vẽ, ảnh chụp, phim, ký họa, báo cáo đánh giá); Bản phân tích, đánh giá đặc điểm kiến trúc nhà ở truyền thống dân tộc tại các địa bàn tiến hành khảo sát; Trên cơ sở điều tra, nghiên cứu, nhóm đề tài đã phân tích và đề xuất giải pháp khai thác những yếu tố kiến trúc, mỹ thuật, kỹ thuật, vật liệu... và phát triển du lịch tại 2 vùng miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

Sản phẩm của dự án là cơ sở để xác định giá trị của kiến trúc nhà ở truyền thống các dân tộc từ đó đề xuất hướng bảo tồn cho các loại công trình, các loại hình kiến trúc có giá trị; đề

xuất hướng khai thác và phát huy giá trị truyền thống nhằm nâng cao tiện nghi sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số; góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, kiến trúc của các dân tộc ít người. Ngoài ra đây là tập tài liệu có giá trị giúp các cơ quan quản lý tiến hành công tác kiến trúc quy hoạch các bản làng, buôn làng của địa phương.

Với kết quả thu được, dự án “Điều tra, khảo sát khảo sát kiến trúc nhà ở truyền thống các dân tộc miền núi Phía Bắc và Tây Nguyên - Đề xuất bảo tồn và khai thác giá trị kiến trúc nhà ở truyền thống” đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại khá./.

Hoàng Hải

Nghiệm thu tiêu chuẩn: Trạm xử lý nước thải bệnh viện - Các yêu cầu kỹ thuật để thiết kế và quản lý vận hành

Ngày 06/02/2009, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Trạm xử lý nước thải bệnh viện – Các yêu cầu kỹ thuật để thiết kế và quản lý vận hành” do PGS.TS Trần Đức Hạ - Công ty Cổ phần nước và Môi trường Việt Nam chủ trì thực hiện.

Mục tiêu của đề tài là xây dựng và biên soạn được bộ tiêu chuẩn xây dựng về trạm xử lý nước thải (trong đó có việc hoàn thiện tiêu chuẩn thiết kế các công trình xử lý nước thải) cho các bệnh viện ở Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xả vào môi trường theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 7382 – 2004: Chất lượng nước – Nước thải bệnh viện – Tiêu chuẩn thải.

Đề tài tập trung nghiên cứu các tài liệu về số lượng, thành phần, tính chất các loại nước thải và bùn cặn trong nước thải bệnh viện và phương pháp, công nghệ, công trình xử lý nước thải và bùn cặn nước thải bệnh viện; nghiên cứu các tiêu chuẩn thiết kế thoát nước và xử lý các

loại nước thải liên quan, các tiêu chuẩn thiết kế trạm xử lý nước thải bệnh viện của các nước trong khu vực; khảo sát một số hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải bệnh viện hiện có; nghiên cứu, tìm hiểu quy trình quản lý kỹ thuật, vận hành và bảo dưỡng một số trạm xử lý nước thải bệnh viện hiện nay; xây dựng tiêu chí và quy trình lựa chọn công nghệ và công trình xử lý nước thải cho các loại bệnh viện; biên soạn bổ sung các nội dung thiết kế các công trình để xử lý một số loại nước thải đặc biệt, bùn cặn trong nước thải, bổ sung hoàn thiện Tiêu chuẩn thiết kế trạm xử lý nước thải bệnh viện; xây dựng Tiêu chuẩn quản lý kỹ thuật trạm xử lý nước thải bệnh viện (đa công trình vào hoạt động, vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình); thu thập các ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh Tiêu chuẩn xây dựng trạm xử lý nước thải bệnh viện.

Sau khi nghiên cứu, nhóm đề tài đã thực hiện biên soạn thành công “Dự thảo Tiêu

chuẩn xây dựng trạm xử lý nước thải bệnh viện – Các yêu cầu kỹ thuật để thiết kế và quản lý vận hành” và “Thuyết minh tiêu chuẩn xây dựng trạm xử lý nước thải bệnh viện”.

Đối với các công trình xử lý nước thải bệnh viện tách riêng hoặc hợp khối, phải căn cứ vào điều kiện vị trí, mặt bằng và diện tích xây dựng trạm xử lý, điều kiện thi công lắp đặt công trình và các yếu tố kinh tế – xã hội khác.

Ngoài ra, đối với các khoa lây nhiễm, nước thải phải được khử trùng bằng các phương pháp

vật lý trước khi đưa về xử lý tập trung cùng với nước thải của các khoa khác.

Sau khi hoàn thành và ban hành, tiêu chuẩn này sẽ là tài liệu hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thiết kế và quản lý vận hành trạm xử lý nước thải bệnh viện.

Hội đồng KH-CN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nhất trí nghiệm thu và đánh giá đề tài đạt loại xuất sắc.

Hoàng Hải

Công nghệ HOTDISC của Tập đoàn F.L.Smidth trong lĩnh vực sản xuất xi măng

F.L.Smidth là một trong những tập đoàn xi măng lớn của thế giới đã áp dụng công nghệ sử dụng nhiên liệu đốt thay thế trong nhiều nhà máy xi măng. Các chất thải đốt được đều có thể được sử dụng cho mọi hệ thống lò để thay thế nhiên liệu hoá thạch. Sự thay thế này không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của hệ thống lò. Đối với nhiều phế thải thể rắn, kích cỡ có thể trở thành một thách thức nên cần phải được xử lý trước khi nạp vào lò hay buồng phân huỷ. Cách truyền thống là xé nhỏ và nghiền chất thải sẽ tốn nhiều công cũng như chi phí.

HOTDISC là một thiết bị đốt đơn giản được kết hợp với hệ thống lò tiên nhiệt và lò nung (calciner) và có thể được đưa vào thay thế sử dụng. Đây là một loại lò đốt cỡ lớn, chuyển động tròn và bao gồm:

- Một buồng đốt hình bán nguyệt được lót bên trong bằng vật liệu chịu lửa, có mái và trục quay ở giữa. Đáy buồng đốt có một đĩa quay phẳng được lát gạch chịu lửa.

- Một vách ngăn có gắn các thiết bị gạt. Tấm vách này còn là vách ngăn giữa cửa nạp chất thải và cửa thoát tro bên trong buồng đốt bán nguyệt.

- Một bàn quay có bộ đỡ được gắn đĩa quay. Bàn xoay có bánh răng và được dẫn động bằng 2 động cơ số sử dụng dẫn động biến tần. Nhờ

dẫn động biến tần nên trong 1 giờ có thể thay đổi tốc độ quay từ số 1 đến số 4

Hệ đỡ cho trục trung tâm, bàn xoay và buồng đốt là một hệ khung có đáy thông thường. Hai giá đỡ bên ngoài có lỗ mở để phục vụ công tác bảo trì và kiểm tra. Trên trục trung tâm cũng có các lỗ mở để hút khí làm mát từ bên dưới đĩa quay lên theo phương thức hút gió tự nhiên.



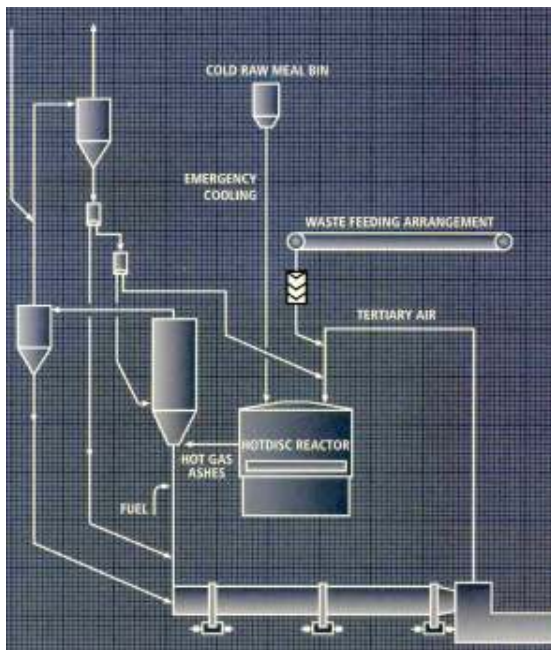
Buồng đốt công nghệ Hotdisk của F.L Smidth

Nguyên lý hoạt động: Các nhiên liệu thải được dẫn vào qua ống gió kỳ thứ 3 vào đĩa quay và bắt đầu đốt trong môi trường được cung cấp đủ oxy khi gặp khí nóng kỳ thứ 3.

Phế thải đốt được đưa vào với góc nghiêng khoảng 270° so với bề mặt đĩa cho đến vị trí của thiết bị gạt, nơi tro thải và một phần của vật liệu nung được xả ra ngoài bằng máng xả.

Các chất lỏng sau đốt có khối lượng nặng sẽ rơi xuống qua cửa lò, trong khi các phần tử nhẹ hơn và khí đốt vận động theo hướng đi lên vào buồng calciner.

Tốc độ quay của đĩa biến thiên cho phép tối ưu hoá thời gian lưu giữ của phế thải trên đĩa, phù hợp với đặc điểm của nhiên liệu phế thải. Nhờ đó đảm bảo việc đốt triệt để các nhiên liệu phế thải.



Sơ đồ công nghệ của công nghệ HOTDISC

Việc điều khiển hoạt động của thiết bị này rất đơn giản, bao gồm kiểm soát nhiệt độ của khí thải từ HOTDISC vào ống xả - khoảng 1050°C bằng cách cho thêm nguyên liệu từ cyclone dưới cùng. Việc kiểm soát được thực hiện nhờ thao tác vận hành của ngăn nguyên liệu giữa HOTDISC và calciner.

Cảnh báo về an toàn sử dụng: Trong trường hợp mất điện hoặc các trường hợp khác khiến lò hoặc quạt ID bị dừng đột ngột, các nhiên liệu phế thải trên đĩa vẫn tiếp tục được đốt.

Để dừng quá trình đốt, người ta đưa một lượng bột lạnh từ một chiếc thùng gắn phía trên vào buồng HOTDISC để nhanh chóng dập tắt quá trình đốt.

Các nguyên liệu đã được thử nghiệm với HOTDISC

- Lớp xe cũ cán mỏng
- Lớp xe cũ (cắt nhỏ)
- Lớp xe (cả chiếc)
- Ống dây điện thoại (cắt lát mỏng)
- Bùn giấy
- Dầu cặn
- Phế thải từ xe hơi cũ (bọc ghế, chắn bùn.v.v. .)

- Rác thải (rác thải đô thị rời hoặc được nén)
- Gỗ vụn

Công nghệ HOTDISC có những đặc điểm cơ bản như sau:

- Có thể sử dụng với nhiều loại nhiên liệu phế thải rắn.
- Nhiệt lượng từ việc đốt các phế thải có thể được tận dụng theo cách hiệu quả nhất.
- Thiết bị HOTDISC vận hành trong môi trường đủ oxy nên đảm bảo đốt hiệu quả, giảm phát thải khí độc hại.

Kinh nghiệm vận hành: Thiết bị HOTDISC thương mại đầu tiên được áp dụng cho một nhà máy xi măng công suất 1600 T/ngày sử dụng hệ lò ILC của F.L Smidth ở Na Uy năm 2002. Nhờ áp dụng công nghệ HOTDISC, nhà máy này đã tiết kiệm được 40% nhiên liệu cho việc sấy và đốt sơ bộ. Từ đó đến nay, thiết bị này vẫn được vận hành ổn định.

Những kinh nghiệm từ việc sử dụng hệ thống HOTDISC có thể được tóm tắt như sau:

- Lò phản ứng HOTDISC dễ vận hành
- Cho phép nạp và đốt từ 2-3 tấn lớp xe phế thải mỗi giờ, thay thế xấp xỉ 40 – 60% lượng nhiên liệu cung cấp cho hệ thống calciner.

- Tùy thuộc nguyên liệu đốt, thiết bị HOT-DISC có thể vận hành với công suất đốt phế thải đến 2 tấn/h, thay thế cho 2 tấn than/h hay khoảng 40% lượng than tiêu thụ cho calciner
- Giảm phát thải NOx khoảng 15%, trong khi lượng phát thải CO không thay đổi

- Không gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng clinke
- Không có ảnh hưởng tiêu cực đến tính sẵn sàng của lò nung.

ND:Minh Tâm

Nguồn: Tài liệu của F.L Smidth

Tiêu chuẩn Anh BS 9999: Một phương pháp mới về thiết kế phòng hoả cho các toà nhà

Từ giữa thập niên 1980, việc thiết kế phòng hoả cho các toà nhà ở Anh và xứ Wales chủ yếu dựa theo Văn bản chấp thuận B (Approved Document B) của Quy chế xây dựng, có sự tham chiếu Tiêu chuẩn BS 5588 – Phòng hoả trong thiết kế, xây dựng và sử dụng công trình.

Mặc dù các phương pháp theo Văn bản chấp thuận đã đáp ứng được các mục đích đề ra cho nó, nhưng trong những thập kỷ gần đây, nhiều công trình nghiên cứu về tính năng cháy được thực hiện ở Vương Quốc Anh đã giúp nâng cao nhận thức cũng như sự hiểu biết về tính năng cháy cũng như các hiểm họa do cháy gây ra. Do đó, có nhiều quy định trong Văn bản chấp thuận đến nay đã bị lạc hậu hoặc trở nên quá bảo thủ; một số quy định cũ lại dẫn đến việc tăng cường sử dụng các giải pháp kết cấu chống cháy, đặc biệt là đối với các công trình tổ hợp và công trình quy mô lớn.

Việc tăng cường sử dụng các giải pháp kết cấu chống cháy đã dẫn đến sự ra đời vào năm 2001 của tiêu chuẩn BS 7974 - áp dụng các nguyên tắc kỹ thuật an toàn phòng cháy cho thiết kế công trình. Đây là một tiêu chuẩn ở trình độ cao quy định các quy trình và trình tự thực hiện khi áp dụng giải pháp kỹ thuật phòng chống cháy trong công trình. Tiêu chuẩn này chủ yếu áp dụng cho các chuyên gia trong lĩnh vực phòng chống cháy.

Sự hiểu biết về tính năng cháy và những hạn chế của phương pháp phòng cháy nêu trong Văn bản chấp thuận đã cho thấy cần phải có một phương pháp mới trung hoà giữa Văn bản

chấp thuận và phương pháp kỹ thuật phòng cháy. Từ đó dẫn đến sự ra đời của tiêu chuẩn BS 9999 - Tiêu chuẩn thực hành về an toàn phòng cháy trong thiết kế, quản lý và sử dụng công trình, được xuất bản tháng 10/2008, sau 10 năm nghiên cứu phát triển. Tiêu chuẩn mới này tạo cho người sử dụng cơ hội lựa chọn các giải pháp khác nhau cần thiết để đáp ứng các quy định của Quy chế xây dựng tùy theo các trường hợp công trình cụ thể. Viện tiêu chuẩn Anh (BSI) - đơn vị ban hành tiêu chuẩn BS 9999 đã khẳng định: “Tiêu chuẩn này được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật của Vương quốc Anh, cung cấp một phương pháp tiên tiến về an toàn phòng cháy trong thiết kế, quản lý và sử dụng công trình. Tiêu chuẩn này đưa ra một phương pháp tiếp cận linh hoạt hơn đối với việc thiết kế phòng cháy thông qua việc sử dụng thiết kế rủi ro của kết cấu mà người thiết kế có thể xem xét đến các yếu tố khác nhau về con người”.

Tiêu chuẩn BS 9999 không đối lập với Văn bản chấp thuận B. Tuy nhiên, cần phải hiểu rằng, từ sau tháng 4/2009, tất cả các tham chiếu tiêu chuẩn BS 5588 sẽ bị loại khỏi Văn bản chấp thuận và áp dụng tiêu chuẩn mới.

Một trong những thay đổi rõ nét trong tiêu chuẩn BS 9999 là các yêu cầu chống cháy của công trình, và đây là tin tốt đối với các nhà sản xuất thép xây dựng. Theo quy định chung của Văn bản chấp thuận yêu cầu công trình phải có khả năng chịu cháy trong 60 phút đối với loại kết cấu có chiều cao dưới 18m; 90 phút đối với

công trình cao từ 18 -30m và 120 phút cộng với hệ thống phun nước chữa cháy tự động đối với công trình cao trên 30m. Trong tiêu chuẩn BS 9999 có một số chỉ tiêu được cho phép thấp hơn đối với các công trình cao trên 30m có hệ

thống phun chống cháy nhưng thiếu hiệu quả và ít được kiểm tra.

Bạch Minh Tuấn

Nguồn: Tạp chí NSC tháng 2/2009

Các phương pháp phòng chống cháy trong nhà cao tầng

Ở Mỹ, hàng năm có trên 7000 vụ cháy xảy ra tại những toà nhà cao tầng đang xây dựng, tức là mỗi ngày xảy ra gần 20 vụ. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là mặc dù số lượng vụ cháy xảy ra nhiều như vậy, nhưng với khả năng xử lý chuyên nghiệp đã giúp giảm đáng kể sự thiệt hại về người và tài sản.

Đêm ngày 9/2/2009, ở Trung Quốc cũng xảy ra một vụ cháy tại toà nhà Trung tâm văn hoá của Đài truyền hình Trung ương. Nguyên nhân cháy được xác định là do Đài truyền hình sai phạm trong việc đốt pháo hoa. Nhưng một nguyên nhân khác vô cùng quan trọng là do toà nhà đang trong thời gian hoàn thiện nên hệ thống cứu hoả cũng vậy, gây khó khăn cho công tác chữa cháy.

Có thể nói, những toà nhà cao tầng đang xây dựng chính là nơi ẩn chứa nhiều hiểm hoạ về cháy. Khi phát sinh cháy, tốc độ ngọn lửa lan nhanh, nên công tác dập lửa cứu người và tài sản cũng gặp nhiều trở ngại. Xuất phát từ những vấn đề trên, nhiều quốc gia đã lập ra các quy định nghiêm ngặt đối với công tác quản lý an toàn và thiết kế phòng chống cháy.

Quy định pháp lý về giám sát quản lý thiết kế phòng chống cháy ở những toà nhà cao tầng

Về các quy định phòng chống cháy, có thể nói Mỹ là quốc gia có số lượng pháp luật pháp quy nhiều nhất. Quy định pháp luật về phòng chống cháy đối với nhà cao tầng ở Mỹ mang tính bản quyền, bởi nó được xây dựng dựa trên cơ sở các công trình nghiên cứu. Ở thập niên 1970, nhờ hỗ trợ của ngân sách Nhà nước, các

giáo sư Trường đại học Harvard, qua nhiều lần thực nghiệm đã lập ra Mô hình cháy Harvers. Trên cơ sở của mô hình này, các quy định của pháp luật về phòng chống cháy cho nhà cao tầng ở Mỹ được hoàn thiện hơn, trở thành mô hình được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng

Ở Trung Quốc, pháp quy về phòng chống cháy nhà cao tầng hiện hành được xây dựng từ năm 1995, trong đó có các điều khoản rất chi tiết và rõ ràng, quy định nghiêm ngặt về các cấp chịu cháy, bố trí mặt bằng, sơ tán an toàn, nguồn nước chữa cháy... Nhưng thực tế, do còn phải xem xét đến nhiều mặt như đầu tư sao cho hợp lý và an toàn trong phòng chống cháy, nên đôi khi công tác thiết kế phòng chống cháy cho nhà cao tầng vẫn chưa đạt yêu cầu theo quy định. Đó chính là yếu tố tạo nên hiểm hoạ. Những năm gần đây, nhiều vụ cháy xảy ra tại công trường xây dựng đều liên quan tới vật liệu chống thấm dễ cháy, ngoài ra cũng một phần do chức năng phòng chống cháy ở những toà nhà cao tầng đang xây dựng chưa được hoàn chỉnh. Có chuyên gia đã cho rằng, cần nhanh chóng thiết lập hoặc sửa đổi tiêu chuẩn liên quan tới việc quản lý phòng chống cháy, khi đó sẽ giảm bớt hiện tượng xảy cháy tại các công trường xây dựng.

Thiết kế phòng chống cháy chính là công cụ bảo vệ

Để công tác phòng chống cháy đạt hiệu quả cao nhất, cần thực hiện thiết kế tốt 4 phương diện sau:

Thứ nhất: Đảm bảo kết cấu chính ổn định về tính năng chịu lửa. Hiện nay, khi xây dựng

những tòa nhà cao tầng người ta sử dụng nhiều kết cấu thép, mặc dù có tính ổn định và tính thống nhất cao, nhưng khả năng chịu lửa lại kém. Khi nhiệt độ tăng cao, khả năng chịu tải của thép sẽ giảm xuống nhanh chóng, khi nhiệt độ từ 450°C~ 650°C thép sẽ mất khả năng chịu tải và bị biến dạng, khi đó cột thép hay dầm thép đều mất tính năng sử dụng. Thông thường, kết cấu thép chỉ chịu được nhiệt trong khoảng 15 phút. Trong sự kiện 11/9, tại Trung tâm thương mại ở Newyork, nguyên nhân dẫn tới sập đổ toàn bộ tòa nhà cũng bởi do kết cấu thép bị nhiệt độ cao nung nóng, bị biến dạng và xảy ra sự cố trên. Trong thực tiễn, người ta thường ứng dụng các phương pháp bảo vệ kết cấu thép, như sử dụng vật liệu chịu lửa có màng bảo vệ bên ngoài, vật liệu phun chất amiăng hoặc vật liệu chống cháy khác, nhưng qua chứng minh cho thấy hiệu quả đạt được chưa cao. Theo các chuyên gia xây dựng và các chuyên gia phòng chống cháy cho rằng, đây vẫn là vấn đề nan giải chưa giải quyết được.

Thứ hai: Tăng cường biện pháp tự cứu. Các tòa nhà cao tầng được xây dựng không giống như các tòa nhà thấp tầng, nên khi xảy ra cháy tại những tòa nhà cao tầng, người ta chủ yếu phải tự thân vận động sử dụng tất cả các biện pháp dập lửa để bảo vệ an toàn. Thông thường thang cứu hỏa cao nhất cũng chỉ dài 100m, nếu như tòa nhà cao khoảng mấy trăm mét bị cháy thì rất khó trông cậy vào sự trợ giúp của lực lượng cứu hỏa bên ngoài. Trước mắt, đối với những tòa nhà cao tầng, người ta chia phương pháp tự cứu ra làm hai loại là chủ động và bị động. Biện pháp mang tính chủ động là kỹ thuật xử lý trực tiếp để lửa không phát sinh và lan rộng, như công nghệ báo động, kỹ thuật phun nước tự động khi có cháy, công nghệ kiểm soát khói, gas...; Biện pháp bị động là tăng cường tính năng chịu cháy của vật liệu hoặc cấu kiện xây dựng,... Với hai loại phương pháp tự cứu này có thể giúp người dân đối phó với hỏa hoạn tốt hơn so với sự trợ giúp của đội ngũ cứu hỏa.

Thứ ba: Làm tốt công tác phân cách để chống lửa. Do các công trình xây dựng có những kích cỡ, hình dạng, chức năng, vị trí địa lý và cách thức bài trí không giống nhau, đồng thời tiêu chuẩn phòng chống cháy trong xây dựng không thể quy định rõ ràng việc phòng chống cháy cho từng tòa nhà cao tầng. Nên người thiết kế cần lưu ý đầy đủ các điều kiện đối với hạng mục xây dựng, tăng cường ngăn cách để phòng chống cháy, tăng cường các phương pháp phòng cháy, xử lý khói,... có thể sử dụng nhiều biện pháp để thực hiện, nhưng quan trọng nhất là phải đạt được mục đích phòng chống cháy.

Theo thống kê tại của các vụ cháy cho thấy, những nạn nhân bị thiệt mạng có tới 6 phần nguyên nhân là do khói xông lên dẫn đến ngạt thở, hoặc cũng có trường hợp bị khói xông, khi đang choáng váng thì bị lửa thiêu. Nên thiết kế ngăn cách chống lửa một cách khoa học sẽ giải quyết vấn đề trên một cách hiệu quả.

Thứ tư: Trong phòng nên sử dụng những vật liệu nội thất chống cháy. Trong xây dựng, để xử lý tận gốc hỏa hoạn là việc không thể thực hiện được, nhưng chọn lựa giải pháp nội thất chống cháy là việc có thể làm. Đây là biện pháp quan trọng bởi nó giúp phòng tránh, giảm thương vong về người, giảm thiệt hại tài sản.

Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý phòng chống cháy

Thiết kế phòng chống cháy cho những tòa nhà cao tầng chủ yếu là chú trọng tới việc ứng phó với hỏa hoạn tiềm ẩn, còn thực hiện nghiêm túc quản lý phòng chống cháy là giúp giảm bớt thiệt hại do cháy gây ra. Điều đáng nói ở chỗ, sau khi nhà cao tầng được xây dựng hoàn thiện, người ta thường không chú trọng tới chức năng của công tác quản lý.

Ở Mỹ, bình quân hàng năm có trên 7000 vụ hỏa hoạn xảy ra ở những nhà cao tầng đang xây dựng, như vậy tính bình quân mỗi ngày xảy ra gần 20 vụ, nhưng với tinh thần quản lý phòng chống cháy cao tại các thành phố, nên giảm

được lượng lớn thiệt hại. Người ta luôn đề cao ý thức phòng chống cháy an toàn cho những tòa nhà cao tầng, như chú trọng cả thiết kế nơi vút tàn thuốc lá trong các phòng.

Ngoài ra, nước Mỹ còn vận động các nước trên thế giới, tại mỗi thành phố, người dân nên cùng nhau tham gia và tập hợp thành một đội phòng chống cháy. Hiện nay, nhiều thành phố lớn ở Mỹ đã thiết lập một mạng lưới phòng chống hoả hoạn tự động, luôn duy trì liên thông giữa điện thoại, máy tính, điện thoại di động và

đội ngũ phòng chống cháy nhà cao tầng. Khi xảy ra sự cố, do đội ngũ phòng chống cháy chủ yếu là nhân dân thành phố tham gia, đã được thông qua lớp huấn luyện chuyên nghiệp, nên chỉ trong vài phút là có thể triệu tập đầy đủ, phối hợp cùng lính cứu hoả tiến hành dập lửa và cứu hộ.

Bích Ngọc

Nguồn: <http://jzqy.com>

Nguyên nhân và biện pháp giải quyết tranh chấp về chất lượng các công trình nhà ở

Hàm ý của chất lượng công trình là, *thứ nhất*, công trình phải phù hợp quy định về pháp luật, pháp quy. Dự án muốn xây dựng phải có đầy đủ 3 loại giấy phép: giấy phép sử dụng đất, giấy phép quy hoạch công trình xây dựng và giấy phép xây dựng mới được xem là hợp pháp; *thứ hai*, ngoài yêu cầu thi công theo đúng với nội dung của thiết kế, không được tự ý thay đổi thiết kế mà còn phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng do cấp Tỉnh và Nhà nước ban hành; *thứ ba*, những điều khoản riêng về chất lượng công trình trong hợp đồng mua nhà của hai bên - bên mua và bên bán phải được tuân thủ nghiêm túc.

Doanh nghiệp xây dựng hiểu rất rõ về yêu cầu chất lượng công trình, nhưng người mua nhà thường nắm không rõ về vấn đề này và không hiểu được tác động của môi trường đến công trình, không nắm vững được yêu cầu cơ bản của công trình là đảm bảo an toàn kết cấu và công năng sử dụng, còn những tác động, nguyên nhân khác gây ra vấn đề chất lượng trong quá trình sử dụng thì không thuộc phạm vi trách nhiệm của đơn vị xây dựng.

I. Hiện trạng chất lượng của các công trình nhà ở

Từ năm 2000, công tác xây dựng đô thị của Trung Quốc bước vào thời kỳ phát triển cao độ,

quy mô xây mới, tu sửa và mở rộng cơ sở hạ tầng đô thị không ngừng được tăng cường, mạng lưới giao thông đô thị cũng từng bước được hoàn thiện, một số lượng lớn các tòa nhà cao cấp và khu nhà ở được đưa vào sử dụng, diện mạo đô thị cũng thay đổi rất lớn. Trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ của công tác xây dựng, các cơ quan quản lý của Nhà nước luôn chú trọng vấn đề an toàn chất lượng công trình, đồng thời đã ban hành một loạt các biện pháp mới nhằm nâng cao chất lượng công trình và thúc đẩy ngành xây dựng phát triển vững mạnh, như “Thông báo mới về việc tăng cường công tác quản lý cải tạo và trang trí nhà ở” (Văn bản quản lý chất lượng công trình số 133 năm 2008), “Quy định về công tác giám sát quản lý chất lượng công trình”, “Biện pháp giám sát quản lý chất lượng tiết kiệm năng lượng trong các công trình dân dụng”... nhằm thúc đẩy ngành Xây dựng phát triển ổn định và nhanh chóng. Trong 10 năm qua, ngành Xây dựng chưa để xảy ra một sự cố sập nhà nào do nguyên nhân về chất lượng công trình. Các công trình nhà ở sau khi nghiệm thu đưa vào sử dụng thì chất lượng móng và kết cấu chính đều được đảm bảo, an toàn trong quá trình sử dụng.

Những năm qua, chất lượng công trình nhà ở tuy đã được nâng cao rõ rệt, nhưng vẫn còn

tồn tại khá nhiều khiếm khuyết về chất lượng, hiện tượng bê tông tường và sàn nhà bị rạn nứt, sàn khu vệ sinh bị thấm nước đang khiến cho ngành Xây dựng phải lao đao, thậm chí có một số công trình còn vi phạm pháp luật, pháp quy. Công tác phòng ngừa vấn đề về chất lượng cơ bản vẫn chưa thực sự có bước đột phá mới. Xã hội ngày càng phát triển, chất lượng công trình cũng đang được nâng lên từng ngày, nhưng những tranh chấp về chất lượng vẫn xảy ra, trên cơ bản chỉ là tranh chấp do khiếm khuyết nhỏ chứ không phải vấn đề nghiêm trọng, không nguy hiểm đến kết cấu công trình, tuy nhiên nó cũng có ảnh hưởng nhất định đến chất lượng môi trường cảnh quan và công năng sử dụng.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp về chất lượng công trình chủ yếu là công trình nhà ở và không gian xung quanh công trình nhà ở, quy lại có mấy loại sau: trong quá trình đào móng công trình đã gây ảnh hưởng đến chất lượng nhà ở, tường bao và đường... của nhà bên cạnh; Công trình sau khi xây dựng gây ảnh hưởng đến vấn đề thông gió và ánh sáng của nhà bên cạnh; chưa quy hoạch, chưa được sự phê chuẩn của cơ quan quản lý về xây dựng, tự ý xây dựng nhà ở hoặc cải tạo nâng cấp nhà ở, xâm phạm đến quyền và lợi ích của người mua nhà; Nhà đầu tư tự ý thay đổi thiết kế hoặc giảm chỉ tiêu chất lượng khi chưa được sự đồng ý của người mua nhà; vấn đề chất lượng thi công như sàn, trần, nền và dầm cột bị rạn nứt, nhà vệ sinh bị thấm, tường ngoài bị ngấm nước...; Các vấn đề khác về chất lượng do nhà bên cạnh tu sửa trang trí nhà gây nên.

II. Nguyên nhân gây ra vấn đề về chất lượng công trình nhà ở

Nguyên nhân xảy ra vấn đề về chất lượng công trình bao gồm cả hai yếu tố chủ quan và khách quan. Một công trình từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành phải trải qua một thời gian rất dài, số lượng nguyên vật liệu tiêu hao cũng rất lớn; với nhiều đơn vị xây dựng tham gia, cùng hàng trăm, hàng ngàn cán bộ, công nhân viên năng lực tổ chức khác nhau. Bên cạnh đó

yếu tố xã hội và môi trường tự nhiên cũng có tác động không nhỏ đến công trình. Có thể thấy, nguyên nhân dẫn đến vấn đề chất lượng công trình hết sức phức tạp, thường thì vấn đề chất lượng trong mỗi hạng mục công trình đều do rất nhiều yếu tố gây nên.

Qua điều tra và phân tích các vụ tranh chấp về chất lượng công trình nhà ở trong những năm qua, dưới đây là những yếu tố chính dẫn đến các vấn đề về chất lượng công trình:

1. Vi phạm trình tự xây dựng cơ bản

Tiến hành xây dựng công trình theo đúng trình tự cơ bản có ý nghĩa hết sức quan trọng đảm bảo chất lượng công trình, nó phản ánh quy luật khách quan của xây dựng cơ bản. “Tham gia hoạt động xây dựng công trình bắt buộc phải tuân thủ chặt chẽ trình tự xây dựng cơ bản, kiên trì thực hiện nguyên tắc khảo sát, thiết kế xong mới thi công”. Hiện tượng vi phạm trình tự xây dựng cơ bản tồn tại khá phổ biến trong các dự án của các khu công nghiệp, hậu quả gây ra cũng hết sức nghiêm trọng, thường là những vụ tai nạn dẫn đến tử vong.

2. Vi phạm pháp quy có liên quan và các điều khoản quy định trong hợp đồng

Thiếu năng lực thiết kế, thi công; cạnh tranh đấu thầu thiếu công bằng, hiện tượng ép giá, rút ngắn thời gian thi công; đơn vị xây dựng không thực hiện theo bản vẽ thi công, tự ý thay đổi thiết kế, xây thêm tầng... đều là những vấn đề dẫn đến tranh chấp và rất khó giải quyết.

3. Vấn đề thiết kế

Thiếu linh hoạt trong thiết kế, bản vẽ thiết kế thiếu chi tiết, cấu tạo kết cấu thiếu hợp lý, tính toán trên bản vẽ và khả năng chịu lực thực tế không chính xác,... đều là những hiểm họa dẫn đến sự cố về chất lượng.

4. Vấn đề quản lý thi công

Công tác quản lý thi công hiện nay của các đơn vị còn lỏng lẻo, hiện tượng tự ý thay đổi thiết kế khi chưa được sự đồng ý của đơn vị thiết kế, hiện tượng bớt xén vật liệu hay thi công không theo thiết kế; không hiểu rõ bản vẽ, thi công ẩu, sử dụng vật liệu không đạt tiêu chuẩn;

việc thi công không theo quy chuẩn hay không thao tác theo đúng quy trình, thiếu linh hoạt điều chỉnh thời gian cho kịp tiến độ thi công; quản lý thiếu chặt chẽ, phương án thi công thiếu hợp lý, xem nhẹ công tác kiểm tra, nghiệm thu công trình... tồn tại khá phổ biến.

5. Tác động của môi trường tự nhiên

Do thời gian thi công kéo dài, chịu nhiều tác động của điều kiện tự nhiên, nhiệt độ không khí, thay đổi độ ẩm,... xuất hiện tình trạng kết cấu lạnh thì co lại, nóng thì nở ra, dẫn đến hiện tượng sần, trăn, dầm bị rạn nứt.

6. Quy cách sử dụng thiếu hợp lý

Các hành động khoan đục, di chuyển đường ống, gia thêm tải... trong quá trình tu sửa nâng cấp nhà bếp, nhà vệ sinh... là những nguyên nhân dẫn đến vấn đề rò rỉ, thấm nước, ảnh hưởng đến chất lượng kết cấu công trình. Trong quá trình sử dụng, nếu không kịp thời bảo dưỡng, hay bảo dưỡng không đúng cách cũng là một trong những yếu tố gây ra các vấn đề về chất lượng công trình.

7. Chế độ nghiệm thu chất lượng công trình chưa được kiện toàn

Sau khi hoàn thành công trình, đơn vị xây dựng là đơn vị chủ trì tổ chức thành lập hội đồng nghiệm thu công trình. Cơ quan giám sát quản lý chất lượng công trình là đơn vị kiểm tra giám sát hình thức tổ chức, trình tự nghiệm thu, các tài liệu có liên quan và văn bản đánh giá chất lượng theo pháp luật sau đó nộp báo cáo nghiệm thu cho cơ quan quản lý về xây dựng. Tuy nhiên phương thức nghiệm thu còn tồn tại nhiều hạn chế, công tác giám sát thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ nên còn tồn tại nhiều vấn đề về chất lượng chưa kịp thời được phát hiện và chỉnh sửa.

III. Tranh chấp về vấn đề chất lượng công trình nhà ở

1. Cơ quan thụ lý các vụ tranh chấp về chất lượng công trình nhà ở

Nếu người tiêu dùng phát hiện công trình nhà ở có vấn đề về chất lượng có thể trực tiếp khiếu nại với đơn vị xây dựng, hoặc khiếu nại

với hội bảo vệ người tiêu dùng địa phương, cơ quan quản lý hành chính về xây dựng và cơ quan giám sát quản lý chất lượng, những đơn vị này sẽ có trách nhiệm đốc thúc đơn vị có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ xử lý sai sót.

2. Trách nhiệm giải quyết vấn đề về chất lượng công trình nhà ở

Trong quá trình xây dựng và sử dụng công trình rất khó tránh khỏi các vấn đề về chất lượng công trình, quan trọng là cần kịp thời phát hiện để có biện pháp xử lý hiệu quả. Bất kỳ một cá nhân hay đơn vị nào cũng đều có quyền khiếu nại các đơn vị có liên quan về sự cố chất lượng trong công trình xây dựng. Nếu trong thời gian bảo hành, đơn vị thi công sẽ phải chịu trách nhiệm tu sửa, thay mới do sai sót về khảo sát, thiết kế, thi công và vật liệu gây ra, mọi chi phí sẽ do đơn vị này chịu trách nhiệm. Sau khi hoàn thành và bàn giao công trình, nếu phát hiện các vấn đề về chất lượng, người tiêu dùng phải kịp thời phản ánh với đơn vị xây dựng (doanh nghiệp đầu tư bất động sản), bởi đơn vị xây dựng là người chịu trách nhiệm chính về vấn đề chất lượng nhà ở. Trong thời gian bảo hành nếu xảy ra tranh chấp, khiếu nại về chất lượng công trình nhà ở, đơn vị xây dựng có nghĩa vụ điều tra làm rõ trách nhiệm, chỉ đạo giải quyết vấn đề. Nếu tạm thời chưa điều tra xác minh được trách nhiệm, đơn vị xây dựng phải tiến hành giải quyết trước hậu quả, chờ sau khi xác định được nguyên nhân sẽ do đơn vị có trách nhiệm chịu các khoản chi phí liên quan. Cần lưu ý, khi phản ánh các khiếm khuyết về chất lượng, người tiêu dùng phải nắm rõ thời hạn, phạm vi và trách nhiệm bảo hành nhà ở, bởi trong thời gian bảo hành người tiêu dùng mới thực sự nhận được sự bảo vệ chắc chắn của pháp luật. Thời gian bảo hành nên được tính từ thời điểm chính thức bàn giao nhà ở thương phẩm cho người tiêu dùng.

IV. Biện pháp giải quyết tranh chấp về chất lượng công trình nhà ở

Khi xảy ra tranh chấp về chất lượng công trình, người tiêu dùng và đơn vị xây dựng có thể

căn cứ vào tình hình thực tế để lựa chọn phương thức giải quyết phù hợp, có thể là hoà giải, điều giải, trọng tài hoặc kiện tụng. Hoà giải là phương thức giải quyết vấn đề hiệu quả, kinh tế và đơn giản nhất. Nhưng phương thức hoà giải chủ yếu phụ thuộc vào ý thức tự giác của các bên liên quan, hiệu lực pháp luật không cao. Tuy nhiên có rất nhiều vụ tranh chấp đã được giải quyết êm đẹp bằng phương thức hoà giải. Về phương thức điều giải tranh chấp, thông thường, hai bên đương sự nhờ cơ quan quản lý hành chính về xây dựng can thiệp, làm người điều giải cho hai bên. Cũng giống như phương thức hoà giải, tính cưỡng chế pháp luật của thoả thuận điều giải không đủ mạnh, mà chủ yếu phụ thuộc vào ý thức tự giác của các bên. Phương thức trọng tài là phương thức tự nguyện, trong đó hai bên sau khi đi đến thoả thuận cuối cùng và mời người thứ ba đưa ra phán quyết để giải quyết tranh chấp. Đây là phương thức công bằng và có hiệu lực pháp

luật cao. Tố tụng là phương thức cuối cùng có thể giải quyết tranh chấp sau khi hai bên không đi đến thoả thuận điều giải. Phương thức này có hiệu lực pháp luật cao, nhưng nhược điểm của nó là mất thời gian, khó tìm thấy bằng chứng xác thực, hơn nữa chi phí thực hiện cao.

Công trình nhà ở là một loại hình sản phẩm đặc thù, việc chấp hành nghiêm theo đúng trình tự xây dựng cơ bản là tiền đề đảm bảo chất lượng công trình nhà ở. Nguyên nhân dẫn đến các vấn đề về chất lượng hết sức đa dạng, phức tạp. Trong giai đoạn hiện nay khó có thể khống chế triệt để những vấn đề này, nếu để xảy ra tranh chấp về vấn đề chất lượng giữa các bên thì có thể giải quyết bằng pháp luật./.

Hoàng Xương Cẩm – Zhang Xác Chân

Nguồn: Tạp chí Xây dựng TQ số 24/2008

ND: Hoàng Hải

<http://biz.thestar.com>

Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Nhu cầu nhà ở tại Cape Town

“Khủng hoảng lớn nhất” của thành phố Cape Town (Nam Phi) là sự thiếu hụt nhà ở trầm trọng. Thành phố này hiện nay cần có thêm khoảng 300.000 căn hộ mới có thể đáp ứng được nhu cầu về nhà ở hiện tại của người dân. Nhu cầu về nhà ở của thành phố này sẽ tăng khoảng 16.000 căn hộ mỗi năm.

Theo báo cáo năm 2008, vào năm 1994, thành phố Cape Town có khoảng 28.000 căn lều, lán, đến năm 2006, con số này đã tăng lên 105.000 với hàng ngàn dân đang phải sống trong những công trình tạm bợ. Trong năm 2009, sẽ có ít nhất 48.000 ngôi nhà hiện hữu phải di chuyển đến các địa điểm mới để tránh nguy cơ ngập lụt, hoả hoạn hoặc thiên tai. Trong khi kế hoạch xây dựng nhà ở mới của thành phố trong năm 2008 mới chỉ tạo ra khoảng 6.400 căn nhà mới, trong đó trên 3.000

căn là nhà trợ cấp. Mặc dù không đạt được mục tiêu đề ra ban đầu là xây dựng mới 10.200 căn hộ, nhưng con số nói trên đã vượt chỉ tiêu điều chỉnh vào tháng 6/2008 (6000 căn hộ).

Việc nâng cấp các khu ở tạm bợ trong thành phố sẽ đảm bảo rằng các khu vực này sẽ được cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho đến khi thực hiện các chương trình nhà ở mới. Theo báo cáo tài chính 2007/2008, 60 khu ở tạm bợ trong thành phố đã được cung cấp dịch vụ nước sạch, vệ sinh và chiếu sáng công cộng.

<http://www.iol.co.za>

Hiệp hội bê tông và xi măng Malaysia (C&CA) nỗ lực kích cầu tiêu dùng xi măng

Hiệp hội bê tông và xi măng Malaysia (C&CA) đang nỗ lực thúc đẩy phát triển lĩnh vực xây dựng đường bê tông nhằm kích cầu tiêu dùng xi măng và mở ra các cơ hội phát triển

mới cho ngành bê tông và xi măng. Tuy nhiên, đó cũng là một nhiệm vụ khó khăn của Hiệp hội. Con đường bằng bê tông được xây dựng gần đây nhất ở Malaysia đã được hoàn thành từ cuối thập niên 1980. Mặc dù vậy, Chủ tịch Hiệp hội – Bà Grace Okuda vẫn tỏ ra lạc quan về tương lai của lĩnh vực xây dựng đường bê tông ở Malaysia.

Tại những quốc gia phát triển, ví dụ như Thụy Điển, có khoảng 40% tổng chiều dài các tuyến đường ô tô được làm bằng bê tông. Con số này ở Mỹ là 59% đường quốc lộ, tức khoảng 50.000 dặm, được làm bằng bê tông. Bà Grace cho biết: “Xây dựng đường bê tông sẽ mở ra một ngành mới cho đất nước. Ngành xi măng sẵn sàng có các chính sách chiết khấu để khuyến khích các dự án xây dựng đường bê tông. Chúng tôi cũng có thể tư vấn các kỹ thuật cần thiết đối với việc xây dựng đường bê tông cũng như bố trí các khoá đào tạo kỹ thuật trong lĩnh vực này. Tất cả những gì mà chúng tôi muốn làm là nhằm đưa ra một lựa chọn mới, khác với đường asphalt truyền thống”.

Cũng theo bà Grace, hiện nay đường asphalt đang là sự lựa chọn duy nhất, việc xây dựng đường bê tông ở Malaysia không phát triển được do thiếu các nguồn lực về máy móc, nhân lực cũng như tài chính. Ngành xây dựng đường bê tông là lĩnh vực mới cần phải được sự ủng hộ của Chính phủ vì không ai muốn bỏ tiền ra để đầu tư cho lĩnh vực này nếu như kế hoạch của Chính phủ là chỉ xây dựng 10km đường bê tông trong 10 năm.

Bà Grace cho rằng, Chính phủ cần có các chính sách và các biện pháp khuyến khích xây dựng và sử dụng đường bê tông – “Việc xây dựng đường bê tông sẽ giúp cho công tác nghiên cứu – phát triển công nghệ bê tông trong nước. Hầu hết các ý kiến phản đối làm đường bê tông là về độ ồn – việc đó có thể được giải quyết hiệu quả nhờ áp dụng các công nghệ mới”. Hiện nay, việc chuyển sang làm đường bê tông là khả thi về công nghệ và hiệu quả về

kinh tế, khi giá nhựa đường tại Malaysia hiện nay đã tăng từ 450RM/tấn năm 1995 lên 1.300RM/tấn.

Chi phí cho xây dựng đường bê tông trước đây đắt hơn so với đường nhựa. Nhưng với giá dầu cao hiện nay, việc làm đường bê tông sẽ tiết kiệm được đáng kể các chi phí, bao gồm chi phí đầu tư ban đầu, chi phí bảo trì bảo dưỡng (do đường bê tông có độ bền cao hơn và có tuổi thọ kéo dài từ 20-40 năm). Bên cạnh đó, đường bê tông sẽ giúp cho các xe tải lưu thông trên đường tiết kiệm được từ 10-20% nhiên liệu và nâng cao an toàn giao thông do tầm nhìn tốt hơn (đường bê tông màu sáng) và khả năng chống trơn trượt của đường bê tông cao hơn.

Ngành công nghiệp xi măng của Malaysia hiện nay có năng lực nghiền đạt 28,3 triệu tấn xi măng và sản xuất 17,8 triệu tấn clinker, trong khi nhu cầu tiêu thụ xi măng trong nước chỉ vào khoảng 15,6 triệu tấn.

<http://biz.thestar.com>

Trung Quốc khởi công xây dựng tuyến đường sắt cao tốc Thượng Hải - Hàng Châu

Theo hãng tin Tân hoa, ngày 26/2/2009 Trung Quốc đã tiến hành khởi công xây dựng tuyến đường sắt vận tải hành khách tốc độ cao liên kết thành phố Thượng Hải với thành phố Hàng Châu nằm ở phía Đông, cho phép tàu chạy với tốc độ 350km/h.

Sau khi tuyến đường này được hoàn thành vào năm 2011, thời gian đi lại từ Hàng Châu đến Thượng Hải sẽ được rút ngắn xuống 38 phút so với trên 1 giờ như hiện nay.

Tuyến đường sắt cao tốc Thượng Hải - Hàng Châu có chiều dài 159km, gồm 9 nhà ga. Trong giờ cao điểm, tàu có thể chạy 3 phút/chuyến trên tuyến đường này. Kinh phí xây dựng của dự án này do Bộ Đường sắt, Thành phố Thượng Hải, tỉnh Triết Giang và Tập đoàn Baosteel cung cấp trị giá khoảng 4,37 tỷ USD.

Hai tuyến đường sắt khác trong khu vực “Vòng tròn kinh tế” Thượng Hải - Nam Ninh -

Hàng Châu theo kế hoạch cũng sẽ được khánh thành vào năm 2011. Sau khi hoàn thành các dự án này, thời gian đi lại giữa các thành phố lớn nói trên sẽ được rút xuống dưới 1 giờ đồng hồ, nhanh hơn nhiều so với hiện nay.

<http://www.xinhuanet.com>

Hàn Quốc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các dự án xây dựng công trình công cộng

Theo hãng tin Tân Hoa ngày 26/2 - Chính phủ Hàn Quốc vừa thông báo có các kế hoạch hỗ trợ bổ sung tài chính cho các dự án xây dựng công trình công cộng. Đây được coi là một nỗ lực của Chính phủ Hàn Quốc trong việc ngăn chặn suy giảm kinh tế ở nước này trong bối cảnh khó khăn chung của toàn cầu.

Theo Bộ Chiến lược Tài chính Hàn Quốc, Ngân hàng quốc doanh Phát triển Hàn Quốc đã

quyết định cung cấp khoản vay trị giá 660 triệu USD cho các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân tham gia vào các dự án xây dựng công trình công cộng của Nhà nước trong năm nay.

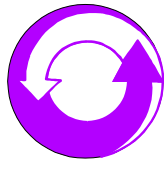
Chính phủ Hàn Quốc cũng đã quyết định cung cấp một khoản bảo lãnh nợ trị giá 1,3 tỷ USD cho các dự án công cộng.

Trong năm 2009, Hàn Quốc sẽ triển khai nhiều dự án xây dựng công trình công cộng nhằm tạo thêm nhiều việc làm mới cũng như tăng cường tiềm lực cho nền kinh tế.

Chính phủ Hàn Quốc mới đây đã lên kế hoạch đầu tư khoảng 7,92 tỷ USD cho các dự án xây dựng đường sá, trường học, trong đó các doanh nghiệp tư nhân được Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích tham gia.

<http://www.xinhuanet.com>

ND: Bạch Minh Tuấn



LỄ ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng công trình Nhà Quốc hội

Sáng ngày 26/02/2009, tại Hà Nội đã diễn ra Lễ ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng công trình Nhà Quốc hội giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình mới và Liên danh tư vấn gmp international GmbH – Inros Lackner AG (CHLB Đức). Tới dự và chứng kiến Lễ ký có đại diện của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hội Quy hoạch và phát triển đô thị Việt Nam, các nhà thầu phụ của Việt Nam là Tổng Công ty tư vấn xây dựng Việt Nam (VNCC), Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Việt Nam (CDC). Đồng chí Cao Lại Quang – Thứ trưởng Bộ Xây dựng và ông Rolf Schulze - Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam đã đến dự và có bài phát biểu quan trọng.

Phạm vi công việc của tư vấn thiết kế trong Hợp đồng bao gồm: lập dự án, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và giám sát tác giả Nhà Quốc hội; Lập dự án đầu tư xây dựng các hạng mục: nơi đỗ xe ngầm sức chứa khoảng 500 xe ô tô lại Lô E; quảng trường đường Bắc Sơn; cải tạo đường Độc Lập, đường Hoàng Văn Thụ.

Tại khu vực xây dựng Nhà Quốc hội, Viện Khảo cổ học tiến hành khảo cổ, di dời hiện vật để sớm bàn giao mặt bằng vào tháng 3/2009 cho Ban quản lý dự án triển khai xây dựng.

Phát biểu tại Lễ ký Hợp đồng, Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam - ông Rolf Schulze - đã bày tỏ sự cảm ơn Nhà nước Việt Nam đã tin tưởng và giao phó trọng trách thiết kế xây dựng công trình Nhà Quốc hội – một công trình có ý nghĩa lớn về chính trị, xã hội và văn hoá của Việt Nam cho một Văn phòng Kiến trúc sư của Đức thực



Các bên tiến hành ký kết Hợp đồng

hiện, và cho rằng Lễ ký Hợp đồng này là một sự kiện quan trọng và có ý nghĩa lịch sử, đặt nền móng cho công trình Nhà Quốc hội của Việt Nam sẽ được hình thành trong tương lai, đồng thời góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa hai nước CHLB Đức và Việt Nam.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng Việt Nam, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã chúc mừng Liên danh tư vấn gmp international GmbH – Inros Lackner AG đã trúng thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng công trình Nhà Quốc hội – một công trình quan trọng của Việt Nam. Thứ trưởng Cao Lại Quang cũng yêu cầu Ban quản lý dự án, Liên danh tư vấn nước ngoài và các nhà thầu phụ của Việt Nam hết sức phối hợp, huy động những nhân lực tốt nhất, có kinh nghiệm nhất để đảm bảo tiến độ và chất lượng của Dự án.

Liên danh tư vấn gmp international GmbH – Inros Lackner AG là tác giả của Phương án thiết kế đã được trao giải A tại cuộc thi tuyển kiến trúc Nhà Quốc hội./.

Minh Tuấn

Hội nghị tổng kết năm 2008 của Khối thi đua các Bộ, Ngành kinh tế

Ngày 19/02/2009 tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đã chủ trì Hội nghị tổng kết năm 2008 Khối thi đua các Bộ, Ngành kinh tế gồm 7 đơn vị là Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Tham dự Hội nghị có Đ/c Bùi Xuân Khu - Thứ trưởng Bộ Công thương, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Nguyễn Văn Đức, Phó Chủ tịch thường trực Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Hoàng Văn Dũng và các cán bộ chuyên trách công tác thi đua- khen thưởng của các Bộ ngành thuộc Khối kinh tế. Đ/c Đinh Hữu Cường – Phó Trưởng ban thường trực Ban Dân vận TƯ – Ủy viên Hội đồng thi đua khen thưởng TW và Đ/c Trần Thị Hà - Trưởng Ban thi đua khen thưởng TƯ – Thứ trưởng Bộ Nội vụ đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Tại Hội nghị, Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Trưởng Ban thi đua - khen thưởng - Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Xây dựng đã trình bày Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm 2008, nhiệm vụ năm 2009 khối Bộ ngành kinh tế. Báo cáo đã đánh giá, trong bối cảnh nền kinh tế cả nước gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh và khủng hoảng tài chính – tiền tệ thế giới có tác động mạnh đến nước ta, các Bộ, ngành khối kinh tế đã hết sức nỗ lực trong việc xây dựng cơ chế chính sách, công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện 8 nhóm giải pháp của Chính phủ về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững. Những nỗ lực của các Bộ, ngành kinh tế đã góp phần quan trọng trong những thành tựu chung của cả nước, từng bước vượt qua khó khăn thách thức, kinh tế có



Thứ trưởng Cao Lại Quang phát biểu tại Hội nghị

sự tăng trưởng khá, lạm phát được kiểm chế, an sinh xã hội được bảo đảm, nhiều vấn đề xã hội bức xúc đã tiếp tục được giải quyết có hiệu quả.

Trong năm 2008, các Bộ ngành trong khối kinh tế Trung ương có vai trò đặc biệt quan trọng trên từng lĩnh vực: xây dựng, giao thông, công thương, nông nghiệp - nông thôn, tài nguyên – môi trường, thông tin – truyền thông và hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển bền vững đã góp phần rất lớn vào việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2008 của Việt Nam ước tính tăng 6,23% so với năm 2007, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,79%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,33%; khu vực dịch vụ tăng 7,2%. Trong 6,23% tăng trưởng chung của nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 0,68 điểm phần trăm; công nghiệp, xây dựng đóng góp 2,65 điểm phần trăm và dịch vụ đóng góp 2,9 điểm phần trăm.

Các Bộ, ngành Khối kinh tế đã nghiêm túc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39/CT-TW ngày 21/5/2004 của Bộ Chính trị, lãnh đạo các Bộ, Ngành thường xuyên quan

tâm, chỉ đạo công tác thi đua khen thưởng và phong trào thi đua yêu nước, đặc biệt chú ý tuyên truyền biểu dương người tốt, việc tốt, phát hiện những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến để động viên, thúc đẩy phong trào.

Công tác thi đua - khen thưởng đóng vai trò quan trọng, vừa là công cụ, vừa là động lực chính trị và tinh thần góp phần hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ được giao. Các Bộ, ngành trong khối đã chỉ đạo và theo dõi thường xuyên các phong trào thi đua, xây dựng các nội dung và tiêu chí thi đua cụ thể, thiết thực gắn bó mật thiết với đường lối chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Trong năm 2008, các Bộ, ngành trong khối đã tổng kết thành tích để khen thưởng với nhiều hình thức, động viên kịp thời đến người lao động.

Công tác khen thưởng của các Bộ, Ngành trong khối đã có chuyển biến tích cực, thực hiện đúng quy trình và thủ tục khen thưởng theo quy định của pháp luật, chất lượng thẩm định hồ sơ ngày càng chặt chẽ, chính xác. Các hình thức khen thưởng cấp Bộ, Ngành được chú ý, đã kịp thời khen thưởng nhiều trường hợp có thành tích đột xuất trong mọi lĩnh vực hoạt động công tác của ngành và đã chú ý khen thưởng tập thể nhỏ và người lao động trực tiếp. Quan hệ giữa phong trào thi đua và công tác khen thưởng ngày càng gắn kết chặt chẽ.

Trong năm 2008, toàn Khối đã xây dựng kế hoạch hoạt động chung và phân công nhiệm vụ cụ thể, tổ chức giao ban, trao đổi kinh nghiệm về công tác thi đua, khen thưởng và thực hiện nhiệm vụ hàng năm đề ra của Hội đồng thi đua khen thưởng Trung ương. Thông qua hoạt động của Khối, công tác thi đua, khen thưởng của các Bộ, Ngành đã thực sự góp phần thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành mình. Các nội dung ký kết giao ước thi đua của các Bộ, Ngành trong Khối đã được hiện thực hoá trong mọi hoạt động của từng Bộ, Ngành. Toàn Khối đã tiến hành sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và thống nhất ban hành được Quy chế

hoạt động chung của Khối thi đua các Bộ, Ngành kinh tế, đó là một điểm mới làm căn cứ cho hoạt động của Khối thi đua các Bộ, Ngành kinh tế trong các năm tiếp theo.

Phát biểu tại Hội nghị, Bà Trần Thị Hà - Trưởng Ban thi đua khen thưởng TƯ đã đánh giá cao sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo các Bộ, ngành thuộc khối đối với công tác thi đua khen thưởng. Công tác thi đua khen thưởng đã đóng góp tích cực trong các thành tựu chung của đất nước. Sang năm 2009, nền kinh tế nước ta còn gặp rất nhiều khó khăn hơn, các Bộ ngành thuộc khối kinh tế cần đẩy mạnh hơn nữa các phong trào thi đua theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: “Cả nước chung sức đồng lòng, chia sẻ khó khăn, thi đua giành thắng lợi”. Các Bộ ngành cần chú trọng rà soát, tổ chức bộ máy làm công tác thi đua – khen thưởng; phát động các phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, bám sát chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; Thực hiện tốt công tác khen thưởng, kịp thời, với nhiều hình thức: khen thưởng thường xuyên, khen thưởng cống hiến, khen thưởng đột xuất,..



Ký giao ước thi đua giữa các đơn vị trong Khối

Hội nghị đã tiến hành bầu Bộ Giao thông vận tải làm Khối trưởng, Bộ Thông tin và Truyền thông làm Khối phó - Khối Bộ, Ngành kinh tế năm 2009 và chứng kiến Lễ ký kết giao ước thi đua giữa các đơn vị trong Khối.

Minh Tuấn

Bệnh viện Xây dựng tổ chức Lễ kỷ niệm ngày thầy thuốc Việt Nam 27/2, tổng kết công tác năm 2008 và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì

Chiều ngày 25/02/2009, Bệnh viện Xây dựng (Bộ Xây dựng) đã tổ chức Lễ kỷ niệm ngày thầy thuốc Việt Nam 27/2, tổng kết công tác năm 2008 và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

Tới dự buổi Lễ có đại diện Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ Y tế và các Bộ ngành Trung ương, các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, các Tổng Công ty, Công ty trong và ngoài Bộ Xây dựng. Đồng chí Nguyễn Hồng Quân – Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã đến dự và có bài phát biểu chúc mừng.

Tại Lễ Kỷ niệm 54 năm ngày thầy thuốc Việt Nam (27/2/1955-27/2/2009), Tiến sỹ – Bác sỹ Lê Thị Hằng – Giám đốc Bệnh viện Xây dựng đã đọc Thư của Hồ Chủ tịch gửi Hội nghị cán bộ ngành Y tế tháng 2/1955 và Thư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng gửi các cán bộ, nhân viên y tế ngành Xây dựng nhân ngày thầy thuốc Việt Nam 27/2/2009.

Thay mặt Ban lãnh đạo Bệnh viện Xây dựng, TS.BS Lê Thị Hằng đã đọc báo cáo kết quả hoạt động năm 2008 và phương hướng triển khai kế hoạch năm 2009 của Bệnh viện Xây dựng.

Bệnh viện Xây dựng tiền thân là Trung tâm Y tế Xây dựng được thành lập năm 1990. Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-BCT năm 2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong thời kỳ mới đồng thời để đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ công nhân viên, lao động ngành Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 1736/QĐ-BXD ngày 12/9/2005 nâng cấp Trung tâm Y tế Xây dựng thành Bệnh viện Xây dựng, đánh dấu mốc bước chuyển mình của hệ thống y tế ngành Xây dựng.



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân trao Huân chương Lao động hạng Nhì cho tập thể cán bộ nhân viên Bệnh viện Xây dựng

Trong năm 2008 vừa qua, bên cạnh những nỗ lực kiện toàn công tác tổ chức theo Quyết định số 828/QĐ-BXD ngày 25/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Xây dựng và Quyết định số 1270/QĐ-BXD ngày 20/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về phân cấp quản lý giữa Bệnh viện Xây dựng với các đơn vị trực thuộc, Bệnh viện Xây dựng đã làm tốt công tác quản lý, chỉ đạo mạng lưới y tế ngành Xây dựng. Bệnh viện Xây dựng thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động y tế tại các đơn vị cơ sở, phối hợp với lãnh đạo các đơn vị chỉ đạo thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe, vệ sinh an toàn lao động cho CBCVN trong ngành. Hệ thống bệnh viện đã có bước tiến vượt bậc trong chất lượng khám và điều trị, đổi mới trang thiết bị hiện đại, ứng dụng các công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị. Các trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng đã sắp xếp lại tổ chức, triển khai phương pháp quản lý mới, nhờ đó doanh thu và lãi đã tăng lên, sử dụng hiệu quả tiền vốn mà Bộ giao, thu nhập của cán bộ, nhân viên cũng được tăng lên đáng kể, công suất sử dụng giường bệnh đạt

trên 85%, doanh thu của Bệnh viện Xây dựng Việt Trì tăng gấp 3 lần so với năm 2007, công suất sử dụng giường bệnh đạt 87%. Bệnh viện Xây dựng đã tiến hành nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị hiện đại, kỹ thuật cao, chuyên sâu vào công tác khám chữa bệnh các lĩnh vực nội khoa về tim mạch, tiêu hoá, hô hấp, hồi sức cấp cứu, xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh. Công suất sử dụng giường bệnh năm 2008 của Bệnh viện Xây dựng đạt 132%

Bệnh viện Xây dựng đã triển khai các văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế tới các đơn vị, đặc biệt là công tác phòng chống các dịch bệnh, triển khai có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia phòng chống sốt rét, HIV/AIDS tại các công trình trọng điểm: thủy điện Sơn La, Sê San...

Công tác khám sức khoẻ định kỳ được Bệnh viện Xây dựng thực hiện thường xuyên với sự phối hợp của các đơn vị. Trong năm 2008, Bệnh viện đã trực tiếp khám cho 150 đơn vị với 29.634 người, đã phát hiện nhiều trường hợp bệnh tật gửi đi điều trị, điều dưỡng kịp thời.

Công tác khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, đo môi trường và lập hồ sơ vệ sinh lao động được thực hiện định kỳ ở các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, nơi ô nhiễm tiếng ồn, bụi bần là những yếu tố thường xuyên ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của người lao động và là nguyên nhân trực tiếp gây ra các bệnh nghề nghiệp. Năm 2008, Bệnh viện Xây dựng đã đo môi trường lao động cho 41 đơn vị, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 1684 lượt người của 10 đơn vị đã phát hiện 14 trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp (8 trường hợp bị bệnh bụi phổi silic và 6 trường hợp điếc nghề nghiệp).

Với những thành tích đã đạt được, nhân dịp kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam năm 2009, Bệnh viện Xây dựng đã vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì, được Bộ Xây dựng tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2008, Bộ Y tế tặng Bằng công nhận đơn vị đạt tiêu chuẩn Bệnh viện xuất sắc toàn diện năm



2008 và nhiều Bằng khen của Bộ Xây dựng, Bộ Y tế cho nhiều tập thể và cá nhân. Đồng chí Lê Thị Hằng – Giám đốc Bệnh viện Xây dựng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III, được Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã nhiệt liệt chúc mừng toàn thể cán bộ, nhân viên y tế của ngành Xây dựng nhân ngày truyền thống của ngành 27/2, đánh giá cao và ghi nhận những thành tích, những nỗ lực của Bệnh viện Xây dựng trong năm 2008. Bộ trưởng cũng yêu cầu Bệnh viện Xây dựng và các đơn vị y tế cơ sở trong Ngành cần chủ động và sáng tạo hơn nữa làm tốt hơn nữa trách nhiệm chăm sóc sức khoẻ cho người lao động ngành Xây dựng và cộng đồng. Bên cạnh việc hoàn thành tốt nhiệm vụ, Bệnh viện Xây dựng và các đơn vị y tế cần chú ý tới mục tiêu phát triển./.



Phối cảnh Bệnh viện Xây dựng mới

Minh Tuấn

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam tổ chức Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch năm 2008 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2009

Ngày 24/2/2009, tại Hà Nội, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2008, bàn phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2009. Tham dự Hội nghị có các đồng chí là lãnh đạo và nguyên lãnh đạo Tổng Công ty, lãnh đạo các công ty thành viên, các Ban dự án của Tổng Công ty; lãnh đạo các Tổng Công ty, Tập đoàn kinh tế, công ty trong và ngoài Bộ Xây dựng; chuyên viên của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Hội Doanh nghiệp cơ khí Việt Nam. Đồng chí Cao Lại Quang – Thứ trưởng Bộ Xây dựng và Đồng chí Nguyễn Đức Kiên – Ủy viên Trung ương Đảng – Phó Chủ tịch Quốc hội đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Thay mặt Lãnh đạo Tổng Công ty, ông Phạm Quang Nhân – Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty đã trình bày báo cáo tổng kết. Theo báo cáo, năm 2008, Tổng Công ty LILAMA đã thực hiện giá trị sản xuất kinh doanh đạt 16.029 tỷ đồng, bằng 103,4% kế hoạch, doanh thu đạt 12.935 tỷ đồng, bằng 104% kế hoạch, lợi nhuận đạt 229 tỷ đồng, bằng 86,7% kế hoạch và tăng 26% so với năm 2007; Đầu tư phát triển đạt 1.288,6 tỷ đồng, bằng 54,6% kế hoạch.

Tổng Công ty đang khẩn trương đẩy mạnh công tác thi công, vận hành chạy thử và bàn giao một số công trình, dự án trọng điểm. Dự án nhà máy nhiệt điện Uông Bí 1 mở rộng đã bước sang giai đoạn cuối cùng – chạy thử, nghiệm thu. Đến nay trong tổng số 29 gói thầu công nghệ và xây dựng chính đã có 11 gói thầu được bàn giao toàn bộ và một số hạng mục của 03 gói thầu khác đã bàn giao đưa vào sử dụng. Tính từ khi hoà lưới điện quốc gia lần đầu ngày 18/12/2006 đến nay, nhà máy đã cung cấp 932 triệu kWh điện thương phẩm. Dự kiến nhà máy



Thứ trưởng Cao Lại Quang phát biểu chỉ đạo Hội nghị

sẽ được bàn giao toàn bộ cho chủ đầu tư vào quý III/2009. Tổng Công ty đã hoàn thành và bàn giao Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1, Cà Mau 2 cho chủ đầu tư vào ngày 27/12/2008 đảm bảo chất lượng và tiến độ. Đối với dự án nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1, tổ máy tuabin khí số 1 đã hoà lưới điện lần đầu ngày 22/5/2008, tổ máy tuabin khí số 2 đã hoà lưới điện quốc gia ngày 25/7/2008. Dự kiến ngày 31/3/2009 sẽ phát điện tổ máy tuabin hơi và phát điện thương mại vào tháng 7/2009. Tổng Công ty LILAMA đến nay cũng đã cơ bản hoàn thành khối lượng công việc chính của gói thầu P1, P2&3 của Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất. Công tác chạy thử nhà máy đảm bảo yêu cầu về tiến độ và chất lượng, đáp ứng yêu cầu hoàn thành Nhà máy và khánh thành vào cuối tháng 2/2009. Dự án nhà máy xi măng Thăng Long đã được thực hiện trong thời gian rất ngắn, đã hoàn thành và đưa nhà máy vào hoạt động ổn định từ ngày 18/12/2008. Các dự án trọng điểm khác như Dự án nhà máy xi măng Sông Thao, Thủy điện Hủa Na đang được triển khai theo đúng kế hoạch tiến độ.

Trong công tác nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ Chương trình chế tạo thiết bị, Dự

án KHCN “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo các thiết bị chủ yếu cho dây chuyền đồng bộ sản xuất xi măng lò quay công suất 2.500T clinker/ngày, thay thế nhập ngoại, thực hiện tiến trình nội địa hoá” đã cơ bản hoàn thành giai đoạn nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị. 05 đề tài trên tổng số 08 đề tài đã hoàn thành nghiệm thu cấp trung gian và đang triển khai chế tạo thiết bị, các đề tài còn lại đang được hoàn thiện để nghiệm thu trong Quý I/2009. Dự án KHCN “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị đồng bộ nhà máy nhiệt điện than công suất 300MW” đã ký hợp đồng với Bộ Xây dựng, Bộ Công thương và các tổ chức chủ trì đề tài, đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cơ chế, chính sách triển khai dự án.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên đã đánh giá cao những nỗ lực của Lãnh đạo, cán bộ công nhân viên toàn Tổng Công ty LILAMA trong việc khắc phục những khó khăn trong bối cảnh khó khăn chung của cả nền kinh tế, góp phần cùng với cả nước thực hiện thành công 8 nhóm giải pháp lớn của Chính phủ về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và phát triển bền vững. Với sự lao động sáng tạo của các thế hệ cán bộ, công nhân viên toàn Tổng Công ty trong gần 50 năm qua đã giúp Tổng Công ty trưởng thành nhanh, tự tin và thành công trong nền kinh tế thị trường ngày càng hội nhập sâu với thế giới. Tổng Công ty LILAMA là một trong những đơn vị thuộc top đầu, đã mạnh dạn ứng dụng thành công các tiến bộ KHCN vào sản xuất kinh doanh, thực hiện thành công nhiều gói thầu lớn, phức tạp trong các lĩnh vực xây dựng công nghiệp, năng lượng, sản xuất vật liệu xây dựng, chế tạo thiết bị công nghiệp. Trong vai trò là nhà tổng thầu EPC, Tổng Công ty LILAMA đã thực hiện thành công nhiều dự án quy mô lớn, trình độ công nghệ phức tạp. Thương hiệu LILAMA đã và đang ngày càng được phát triển, có uy tín đối với các đối tác trong nước và quốc tế. Phó Chủ



Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên trao Danh hiệu Anh hùng Lao động cho ông Lê Văn Tuấn - Phó Tổng giám đốc TCTy LILAMA



Thứ trưởng Cao Lại Quang trao Cờ thi đua xuất sắc năm 2008 của Bộ Xây dựng cho các đơn vị thuộc TCTy Lilama

tịch Quốc hội cũng đề nghị Ban lãnh đạo Tổng Công ty và các đơn vị thành viên cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên của Tổng Công ty Lilama phát huy truyền thống lao động cần cù, sáng tạo gần 50 năm qua của đơn vị, chủ động rà soát chiến lược phát triển của Tổng Công ty theo hướng tập trung vào những ngành nghề chính, trình độ chuyên môn hoá cao, xây dựng đội ngũ nhân lực trình độ cao để định hướng phát triển thành một tập đoàn công nghiệp quan trọng của đất nước.

Đồng chí Cao Lại Quang, Thứ trưởng Bộ Xây dựng cũng đánh giá cao những kết quả sản xuất kinh doanh đạt được của Tổng Công ty trong bối cảnh nền kinh tế trong nước năm vừa qua gặp nhiều khó khăn. Thứ trưởng cũng lưu ý Tổng Công ty cần nghiêm túc đánh giá những

mặt còn tồn tại, chưa làm được. Tổng Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa công tác đầu tư, tích tụ nguồn vốn đầu tư, tăng cường quản trị doanh nghiệp để nâng cao tiềm lực tài chính của Tổng Công ty, tạo tiền đề cho sự phát triển của Tổng Công ty trong tương lai.

Nhân dịp Hội nghị tổng kết công tác năm 2008 của Tổng Công ty LILAMA, thay mặt Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Đồng chí Nguyễn Đức Kiên đã trao danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới cho ông Lê Văn Tuấn - Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty LILAMA kiêm Tổng

Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 18, trao Huân chương Lao động hạng II cho ông Nguyễn Hữu Thành – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 45-3, ông Lê Văn Hiến – Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề LILAMA II. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã trao cờ thi đua xuất sắc cho 6 đơn vị thuộc Tổng Công ty đã hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ năm 2008./.

Minh Tuấn

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất

Ngày 14/2/2009 tại Hà Nội Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội (TCTXD Hà Nội) đã tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất do Nhà nước trao tặng.

Cách đây 50 năm, ngày 24/2/1959 CBCNV trên công trường xây dựng khu công nghiệp Thượng Đình được vinh dự đón Bác Hồ đến thăm. Đó là ngày đáng ghi nhớ và là niềm tự hào của những người lao động của TCTXD Hà Nội. Cũng từ đó ngày 24/2 hàng năm trở thành Ngày truyền thống của TCTXD Hà Nội.

Sau năm 1954, miền Bắc bước vào thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam để thực hiện thống nhất đất nước. Vào thời điểm đó, một số công ty xây dựng được thành lập trong đó có các công ty nay là thành viên của TCTXD Hà Nội, như Công ty Kiến trúc khu Nam, Công ty Kiến trúc khu Bắc, Công ty Kiến trúc Vinh, Xưởng mộc Bạch Đằng, Nhà máy Bê tông Chèm,...

Ngay từ khi thành lập, tuy còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn về lực lượng, thiết bị máy móc,



Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng trao Huân chương Độc lập hạng Nhất cho Tổng Công ty

ơ sở vật chất kỹ thuật và kinh nghiệm, nhưng với truyền thống và nhiệt tình cách mạng và tinh thần quyết tâm phấn đấu cao, những người lao động của TCty đã bắt tay xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật đầu tiên của miền Bắc như Hội trường Ba Đình, các nhà máy Cơ khí Hà Nội, Nhiệt điện Vinh, Phân đạm Hà Bắc, Dệt mùng 8 tháng 3, KCN Thượng Đình, các trường Đại học Bách khoa, Thủy lợi, Y dược,... các khu nhà ở Kim Liên, Nguyễn Công Trứ,...

Trong khó khăn của những năm tháng chống Mỹ cứu nước, những người lao động của TCty vừa tiếp tục xây dựng các công trình

kinh tế, vừa xây dựng các công trình quốc phòng, vừa trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đã phát huy truyền thống tốt đẹp của những người công nhân xây dựng, đóng góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi đất nước thống nhất. để đáp ứng yêu cầu xây dựng kinh tế và phát triển ngành xây dựng, nhà nước chủ trương thành lập các tổng công ty trong đó có TCTXD Hà Nội trực thuộc Bộ Xây dựng.

Lúc ban đầu với hơn 10 đơn vị thành viên, chủ yếu là các đơn vị xây lắp đóng trên địa bàn Hà Nội, qua quá trình xây dựng và trưởng thành, đến nay TCty đã bao gồm 20 đơn vị thành viên và 16 công ty liên doanh liên kết, với nhiều ngành, nghề từ xây lắp đến sản xuất VLXD, tư vấn, đầu tư, xuất nhập khẩu, đào tạo,... địa bàn hoạt động trên phạm vi cả nước và các nước trong khu vực. Lực lượng lao động ban đầu chỉ với hơn 6.000 người với cơ cấu lao động chưa hợp lý đến nay đã có bước phát triển cả về lượng và chất với trên 30.000 người, bao gồm cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, một lực lượng công nhân kỹ thuật đông đảo gồm nhiều ngành nghề, có trình độ lý thuyết và tay nghề cao. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng đất nước, TCty luôn coi trọng phát triển khoa học và công nghệ, áp dụng kỹ thuật vào sản xuất, đầu tư trang thiết bị tiên tiến. Bằng việc tạo các nguồn vốn khác nhau, đặc biệt là tự tích lũy, đến nay TCty đã có cơ sở vật chất với gần 100.000 m² nhà xưởng, hàng chục nhà máy sản xuất VLXD, bê tông và cơ khí, hơn 1.000 thiết bị thi công các loại có thể đảm đương được 80% khối lượng thi công của TCty, trong đó có nhiều thiết bị thi công hiện đại, năng suất và chất lượng cao.

Với cơ sở vật chất và con người ngày càng được tăng cường, và sự lao động sáng tạo, từ những năm cuối của thập kỷ 70 đến nay, TCty đã thi công hàng nghìn công trình dân dụng,

công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng trên mọi miền đất nước, trong đó có các thành phố như Hà Nội, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh và nhiều thành phố lớn khác. Đặc biệt, TCty vinh dự được Nhà nước giao nhiều công trình quan trọng có ý nghĩa về chính trị, kinh tế, quốc phòng. Phần lớn các công trình và sản phẩm xây dựng được xã hội và thị trường đánh giá cao như Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội trường Ba Đình, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, Nhà hát lớn thành phố Hà Nội, Tháp Hà Nội, Khách sạn quốc tế Hồ Tây, Khách sạn Daewoo, Trung tâm Hội nghị quốc gia, công trình A1, đường Hồ Chí Minh, các nhà máy xi măng Nghi Sơn, Hoàng Mai, Bỉm Sơn, Tam Điệp, các nhà máy điện Phú Mỹ, Hàm Thuận,...

Trong những năm gần đây thực hiện chủ trương đa dạng hoá sản xuất kinh doanh, đa dạng hoá sản phẩm và đa dạng hoá sở hữu, TCty đã và đang đầu tư các dự án lớn về phát triển nhà, đô thị, dự án công nghiệp VLXD, các dự án hạ tầng kỹ thuật và khu đô thị như Làng quốc tế Thăng Long, Ngoại giao đoàn, các khu đô thị Nhơn Trạch, Cao Xanh Hạ Khánh, cùng nhiều nhà máy điện, xi măng, VLXD khác. Đặc biệt TCty đã cung cấp hơn 300.000 m² nhà ở phục vụ nhu cầu nhà ở cho các thành phố lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và nhiều địa phương khác.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, TCty đã hoàn thành cổ phần hoá 100% các doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần và đang chuẩn bị cổ phần hoá TCty trong năm 2009.

Trong thời kỳ đất nước chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, ở bất cứ giai đoạn nào, TCty luôn coi trọng đổi mới công tác quản lý, vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh phù hợp chính sách và pháp luật nhà nước, vừa mềm dẻo năng động, phù hợp với yêu cầu đổi mới, với tính đa dạng và phức tạp của thị trường.

TCty luôn quan tâm việc tạo nên sức mạnh tổng hợp bằng phát huy nội lực kết hợp với tranh thủ các điều kiện khách quan thuận lợi, thực hiện tốt quan hệ Đảng lãnh đạo, cơ quan chuyên môn quản lý, phát huy quyền làm chủ của người lao động thông qua các đoàn thể quần chúng. Sức mạnh tổng hợp đó còn được tạo nên bởi sự phối hợp hoạt động thống nhất và đồng bộ trong toàn TCty, trên cơ sở chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vì sự phát triển của TCty.

Những năm gần đây, các năm TCty đều hoàn thành các chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh, doanh thu, nộp ngân sách Nhà nước, đảm bảo việc làm và thu nhập người lao động, với mức tăng trưởng từ 10% đến 30%. Đặc biệt năm 2008, TCty đạt giá trị sản xuất kinh doanh 8.120 tỷ đồng, doanh thu gần 6.000 tỷ.

Năm 2009 nhân kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống một niềm vui mới lại đến với toàn thể CBCNV - lao động của TCty, để ghi nhận những thành tích của TCty trong những năm

qua, Đảng, Nhà nước đã tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho TCty Xây dựng Hà Nội. Niềm vinh dự này dành cho các thế hệ người lao động của TCty, là kết quả của sự đóng góp to lớn của nhiều thế hệ CBCNV, với bản lĩnh chính trị vững vàng, nhận thức sâu sắc nhiệm vụ của mình, luôn sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ, không sợ khó khăn gian khổ, luôn vững vàng trong những thời điểm khó khăn nhất. Những người lao động của TCty đã để lại những dấu ấn, những thành quả lao động bền bỉ sáng tạo của mình trên những công trình, những sản phẩm xây dựng, luôn gắn bó với sự trưởng thành và phát triển của TCty.

Năm 2009, trước nhiều khó khăn, thách thức của nền kinh tế thế giới và trong nước, phát huy truyền thống 50 năm xây dựng và trưởng thành, TCty Xây dựng Hà Nội kiên trì phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả cao, xây dựng TCty trở thành tập đoàn kinh tế mạnh đa sở hữu, đa dạng hoá ngành nghề, sản phẩm.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 của một số đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng

Tổng Công ty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam

Ngày 11/2/2009 tại Hà Nội, Tổng Công ty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam (VIWASEEN) đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2008, triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2009. Đồng chí Nguyễn Hồng Quân - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã đến dự và phát biểu tại Hội nghị.

Trong bối cảnh những khó khăn chung của đất nước, các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp nói riêng gặp nhiều thách thức lớn do ảnh hưởng trước diễn biến phức tạp của tình hình tài chính quốc tế và trong nước, lạm phát tăng cao, Tổng Công ty và các đơn vị thành



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân trao tặng Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng cho Tổng Công ty

viên đã nỗ lực đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm với các giải pháp cụ thể duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống của cán bộ công nhân viên.

Năm 2008 TCty đã đạt được những kết quả sau: Tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt 3.065,179 tỷ đồng bằng 115% kế hoạch năm và 136% so với năm 2007; doanh thu đạt 2.238,705 tỷ đồng bằng 118% kế hoạch năm và 141% so với năm 2007; lợi nhuận đạt 81,547 tỷ đồng bằng 107% kế hoạch năm và 181% kế hoạch năm 2007; nộp ngân sách 150,268 tỷ đồng bằng 101% kế hoạch năm và 222% so với năm 2007.

Giá trị xây lắp thực hiện đạt 1.615 tỷ đồng, bằng 109% kế hoạch năm và tăng trưởng 42% so với năm 2007. TCty và các đơn vị thành viên đã triển khai thực hiện các hợp đồng xây lắp chủ yếu trong lĩnh vực cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị. Bên cạnh đó một số công trình xây lắp dân dụng với giá trị lớn cũng đã được TCty và các đơn vị thành viên quan tâm mở rộng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trong thời gian tới TCty quyết tâm thực hiện và tổ chức tốt công tác này.

Giá trị sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng thực hiện đạt 116,8 tỷ đồng bằng 101% kế hoạch năm. Các sản phẩm sản xuất công nghiệp tập trung trong lĩnh vực cấp thoát nước với sản lượng sản xuất ống ly tâm đạt 70.377 mét, ống gang và phụ tùng nối ống đạt 5.531 tấn, sản lượng nước sạch đạt 8,0 triệu m³,...

Giá trị tư vấn, khảo sát thiết kế đạt 39 tỷ đồng, bằng 131% kế hoạch năm, tăng 12% so với năm 2007. Phát huy ưu thế trong lĩnh vực tư vấn, khảo sát thiết kế chuyên ngành, TCty và các đơn vị thành viên đã thực hiện nhiều hợp đồng tổng thầu EPC có giá trị lớn, bên cạnh đó là việc thực hiện các dự án đầu tư của TCty.

Kinh doanh xuất nhập khẩu đạt 240,9 tỷ đồng (tương đương 14,1 triệu đô la), đạt 103% kế hoạch năm, cùng với nhập khẩu vật tư thiết bị phục vụ các công trình, dự án của TCty, các đơn vị đã đẩy mạnh kinh doanh các loại vật tư,

hàng hoá, thiết bị nhập khẩu.

TCty cũng đã chú trọng xuất khẩu sản phẩm của mình ra thị trường nước ngoài, tuy giá trị chưa cao nhưng đã đánh dấu việc mở rộng thị trường kinh doanh.

Công tác dịch vụ du lịch và xuất khẩu đã có những bước tiến đầu tiên tốt đẹp, trong điều kiện thị trường thế giới có nhiều biến động, TCty đã tìm kiếm thị trường và đưa lao động sang làm việc tại Malaysia và khu vực Trung Đông, tiến tới khai thác các thị trường lao động nhiều tiềm năng khác như Bulgaria, Ba Lan, Nhật Bản, Hoa Kỳ,...

Các đơn vị có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng công tác đấu thầu. Năm 2008 TCty đã trúng thầu nhiều công trình có giá trị lớn, qua đó đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và mục tiêu tăng trưởng toàn TCty như dự án thoát nước lưu vực Trường Chinh - Nhiều Lộc - TP Hồ Chí Minh (220 tỷ đồng), thoát nước Quảng Ngãi (98,6 tỷ đồng).

Nhìn chung, năm 2008 toàn TCty đã có bước phát triển mạnh mẽ, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, các chỉ tiêu chủ yếu đều tăng trưởng trên 35% so với năm 2007.

Tổng kết công tác thi đua năm 2008, TCty được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ "Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua" và Cty VIWASEEN 3 được Bộ Xây dựng tặng cờ "Đơn vị thi đua xuất sắc ngành Xây dựng".

Trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, với những kết quả đạt được trong năm kế hoạch 2008, căn cứ phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh TCty giai đoạn 2007 - 2012 và định hướng phát triển sản xuất kinh doanh đến năm 2020, TCty VIWASEEN đặt mục tiêu phấn đấu trong năm 2009 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau: Tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt 4.151,443 tỷ đồng bằng 135% so với năm 2008; doanh thu đạt 3.061,469 tỷ đồng bằng 137% so với năm 2008; lợi nhuận đạt 122,590 tỷ đồng bằng 150% so với năm 2008; nộp ngân sách đạt 215,735 tỷ đồng bằng 144% so với

năm 2008; đầu tư phát triển đạt 1.050,116 tỷ đồng bằng 285% so với năm 2008.

Năm 2009, TCty tiếp tục lấy nhiệm vụ thi công xây lắp và đầu tư phát triển ngành cấp thoát nước và môi trường làm trọng tâm, bên cạnh đó chú trọng đẩy mạnh lĩnh vực sản xuất công nghiệp, dịch vụ tư vấn thiết kế, chuyển giao công nghệ, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị chuyên ngành, xuất khẩu lao động.

Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)

Với sự quan tâm và chỉ đạo của Bộ Xây dựng, sự ủng hộ tích cực của các địa phương và nỗ lực phấn đấu, đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên chức – lao động nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 của Tổng Công ty đã vượt qua những khó khăn thách thức để phát triển ổn định, tăng trưởng bền vững, thông qua một số các chỉ tiêu chính như sau: Giá trị tổng sản lượng đạt 3.312.700 triệu đồng, doanh thu đạt 2.295.065 triệu đồng. Các đơn vị thành viên đã cùng với Tổng Công ty nỗ lực phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tại các đơn vị đạt tỷ lệ tăng trưởng từ 125% đến 140% so với cùng kỳ năm 2007, sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, bảo đảm chỉ tiêu cổ tức từ 10% - 15% hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Về lĩnh vực đầu tư XD/CB: Sau 8 năm thành lập, Tổng Công ty đang quản lý 55 dự án trong đó có 55 dự án đã và đang thực hiện đầu tư. Ngoài ra, còn có 11 dự án đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục đầu tư. Tổng Công ty cũng đã thực hiện việc rà soát lại tiến độ đầu tư, cắt giảm, đình hoãn một số dự án chưa phát huy hiệu quả. Giá trị thực hiện đầu tư trong năm là 1.622 tỷ đồng, đạt 106,7% kế hoạch.

Về lĩnh vực xây lắp: Tổng Công ty đã đạt giá trị xây lắp là 2.092,5 tỷ đồng, đạt 101,3% kế hoạch, chiếm tỷ lệ 63,2% so với tổng giá trị sản lượng, tăng 77,7% so với năm 2007. Trong đó, giá trị xây lắp thuộc các dự án do Tổng Công ty

và các đơn vị thành viên làm Chủ đầu tư là 1.307 tỷ đồng, chiếm 62,4% giá trị xây lắp toàn Tổng Công ty.

Về lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh khác: Với 02 lĩnh vực là sản phẩm vật liệu xây dựng, với tổng giá trị thực hiện là 297,7 tỷ đồng đạt 108% kế hoạch năm, tăng so với cùng kỳ 2007 là 31,7%. Ngoài ra, Tổng Công ty còn thực hiện được 894,44 tỷ đồng trên các lĩnh vực dịch vụ phân phối điện trong các khu công nghiệp với giá trị 377,1 tỷ đồng; thu phí hoàn toàn vốn tại các dự án là 159,5 tỷ đồng, kinh doanh dịch vụ đạt 11,5 tỷ đồng...

Về công tác tư vấn xây dựng: Giá trị khảo sát – thiết kế – giám sát xây dựng đạt 24,1 tỷ đồng, đạt 117,6% kế hoạch, tăng so với cùng kỳ năm 2007 là 51,3%. Đội ngũ kỹ sư làm công tác tư vấn ngày một trưởng thành, chất lượng hồ sơ thiết kế dần được nâng cao.

Về công tác tài chính: Giá trị doanh thu là 2.295 tỷ đồng; nộp ngân sách 132 tỷ đồng; lợi nhuận đạt được 146,7 tỷ đồng. Tổng giá trị các hợp đồng tín dụng trung và dài hạn đã ký là 5.949 tỷ đồng, đã giải ngân 2.720 tỷ đồng, dư nợ vay là 2.094 tỷ đồng.

Về công tác cổ phần hoá và sắp xếp đổi mới doanh nghiệp: Tổng Công ty đã tiếp tục thực hiện cổ phần hoá 01 đơn vị thành viên; tham gia thành lập mới 4 Công ty cổ phần do IDICO là cổ đông sáng lập. Cơ cấu tổ chức gồm: Công ty mẹ, 10 Công ty con, 21 Công ty liên kết. Các Công ty ngày càng phát huy được tính chủ động trong sản xuất, trong năm 2008 đều hoàn thành kế hoạch và có lợi nhuận với mức chia cổ tức từ 10 – 15%.

Năm 2009, Tổng Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh, những kinh nghiệm vượt khó cùng những thành tích đã đạt được để xây dựng nhiệm vụ kế hoạch năm 2009 tăng trưởng 30% so với năm 2008; ổn định sản xuất và tăng trưởng 15% so với năm 2008 đối với Tổng Công ty qua các chỉ tiêu định hướng sau: Giá trị tổng sản lượng ước đạt 6.936.000 triệu đồng; doanh

thu ước đạt 5.764.000 triệu đồng. Mục tiêu chính là sẽ tiếp tục đầu tư vào các dự án thủy điện, các dự án khu công nghiệp, các dự án giao thông.

Tổng Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng (DIC Group)

Năm 2008, Tổng Công ty đã biết phát huy và tận dụng tốt thời cơ, vượt qua những khó khăn chung của nền kinh tế để hoàn thành xuất sắc và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2008. Tổng giá trị sản xuất và kinh doanh: thực hiện 2.832 tỷ đồng, đạt 108,9% kế hoạch năm, tăng trưởng 28,5% so với năm 2007, tương đương với mức tăng trưởng của năm 2007 (29,7%). Tổng doanh thu thực hiện 2.422 tỷ đồng, đạt 115,3% kế hoạch năm, tăng trưởng 33,7% so với năm 2007. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng đã góp phần vào tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2008 của các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng đạt mức 102.219 tỷ đồng, hoàn thành 102% kế hoạch, tăng 26% so với năm 2007. Tổng Công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng ở mức rất cao là 28,5%, ngang bằng với mức tăng trưởng năm 2007 và cao hơn mức tăng trưởng chung của toàn ngành Xây dựng là 3,1 %. Với những kết quả đạt được trong năm 2008, đã góp phần quan trọng để Tổng Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch 3 năm đầu (2006 – 2008) của kế hoạch 5 năm (2006 – 2010) với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm xấp xỉ 30%.

Năm 2009, Tổng Công ty phấn đấu thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu sau: Tổng giá trị sản xuất kinh doanh ước đạt 3.245 tỷ đồng, tăng trưởng 14,6 % so với thực hiện năm 2008; tổng doanh thu ước đạt 2.717 tỷ đồng, tăng trưởng 12,1 %; tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt 1.739 tỷ đồng, tăng trưởng 39,4%. Tổng Công ty sẽ vẫn nỗ lực phát triển lĩnh vực đầu tư về tài chính, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp và Cụm công nghiệp, xây dựng các dự án phát triển Khu đô

thị mới, các dự án sản xuất công nghiệp, các dự án về du lịch, dịch vụ, nhà ở. Về sản xuất kinh doanh thì Tổng Công ty nỗ lực phát triển lĩnh vực xây lắp, lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ Du lịch.

Tổng Công ty Xây dựng số 1

Tổng Công ty Xây dựng số 1 đã từng bước vượt qua những khó khăn, thử thách và đạt được những kết quả khả quan trong năm 2008. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 như sau: Tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt 7.977.246 triệu đồng, tổng doanh thu đạt 6.976.363 triệu đồng.

Về công tác xây lắp: Tổng Công ty vẫn hoàn thành vượt mức Kế hoạch và duy trì được sự tăng trưởng cao so với năm trước. Cụ thể, giá trị sản lượng về Xây lắp thực hiện 3.698,9 tỷ đồng, đạt 120,69% kế hoạch năm, tương đương 143,86% so với thực hiện cùng kỳ năm 2007.

Về sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng: Tổng Công ty đã đạt giá trị là 832,246 tỷ đồng, đạt 113,78% kế hoạch năm và bằng 151,48% so với năm 2007.

Về tư vấn – thiết kế: Tổng Công ty đạt giá trị là 52,094 tỷ đồng, đạt 114,70% kế hoạch năm, bằng 112,3% so với năm 2007.

Về kinh doanh khác vẫn đạt nhiệm vụ kế hoạch và nhịp độ tăng trưởng đã đề ra. Kết quả đạt được là 3.393,978 tỷ đồng, đạt 109,19% kế hoạch năm, bằng 111,09% so với năm 2007.

Về lĩnh vực đầu tư, Tổng Công ty đã đạt giá trị đầu tư phát triển là 1.802 tỷ đồng, vẫn có sự tăng trưởng mạnh với năm trước là 57%.

Năm 2009, Tổng Công ty phấn đấu đạt tổng giá trị sản xuất kinh doanh là 9.228.371 triệu đồng, tổng doanh thu ước đạt 7.999.312 triệu đồng. Trong công tác tổ chức và đổi mới doanh nghiệp, Tổng Công ty sẽ tiếp tục thực hiện và phát huy công tác tổ chức của năm 2008. Đặc biệt về công tác sắp xếp, kiện toàn bộ máy điều hành/quản lý, đào tạo nguồn nhân lực để đáp

ứng nhân sự có chất lượng cho hoạt động Tổng Công ty; Tiếp tục hoàn tất tiến trình cổ phần hoá Tổng Công ty; đẩy mạnh thực hiện chính sách ưu đãi tuyển dụng và giữ chân người tài, người có tâm huyết và gắn bó làm việc lâu dài tại Tổng Công ty; nghiên cứu và phối hợp lập phương án thành lập các Phòng mới thuộc Tổng Công ty; sáp nhập hoặc giải thể các Công ty hoạt động không hiệu quả. Trong công tác pháp chế, Tổng Công ty sẽ tiếp tục thực hiện và phát huy các công tác pháp chế của năm 2008. Đặc biệt về công tác nghiên cứu soạn thảo các quy chế, quy định áp dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty; tiếp tục phối hợp cùng Phòng Tài chính kế toán đối chiếu, rà soát lại công nợ với các khách hàng về các đối tác, tiến hành khởi kiện đối với những khoản nợ đến hạn, khó đòi. Đặc biệt, Tổng Công ty phải hoàn thành các dự án đã đề ra như cầu Thủ Thiêm, cầu Đồng Nai, nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch, các dự án thủy điện...

Viện KHCN Xây dựng

Trong năm 2008, Viện đã thực hiện trên 90 nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý Nhà nước của Bộ và các cơ quan nhà nước, 85 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong đó có 60 nhiệm vụ là biên soạn tiêu chuẩn, quy chuẩn; ký được hợp đồng với tổng giá trị là 259.4 tỷ đồng, bằng 166% so với năm 2007. Mức thu nhập bình quân đầu người đạt 4.250.000 đồng (so với 2007 là 3.768.000 đồng). Trích nộp ngân sách trên 15 tỷ đồng trong đó thuế VAT là 13, 3 tỷ đồng. Nhiều đơn vị vượt mức kế hoạch trên 170% so với 2007 như Trung tâm tư vấn thiết kế và xây dựng (208%), Viện chuyên ngành ĐKT (243%), Trung tâm tư vấn xây dựng công nghiệp và hạ tầng (960%)...

Năm 2009, Viện sẽ có một tầm nhìn chiến lược hơn. Viện sẽ hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, đầu tư thích đáng hơn nữa để có sự đột phá phát triển. Nguồn vốn đầu tư chính là nguồn vay từ ngân hàng, dựa trên các dự án

khả thi. Viện phải thể hiện năng lực thực hiện tổng thầu dự án (EPC) để có sức cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay. Viện sẽ xem xét lại thương hiệu (cách đặt tên, thiết kế lôgô, đầu tư cho hoạt động quảng bá), và có chương trình hành động thông qua “Slogan” (phương châm) riêng của mình. Ngoài ra, Viện sẽ thực hiện tốt các nhiệm vụ phục vụ quản lý Nhà nước mà Bộ giao cho như: Đường bê tông, Vật liệu xây dựng không nung, Chương trình nhà ở xã hội dành cho người có thu nhập thấp, Vấn đề xử lý chất thải rắn và Tiết kiệm năng lượng.

Viện cũng sẽ nâng cao kinh nghiệm về công tác đầu tư và hợp tác với nước ngoài trong chuyển giao, ứng dụng công nghệ chống ăn mòn, chống thấm, chống mài mòn bằng lớp phủ Polytop và công nghệ sản xuất, cung ứng phụ gia chất lượng cao; Kinh nghiệm tổ chức, bố trí, đào tạo và sử dụng cán bộ để nâng cao năng lực cạnh tranh; Kinh nghiệm về việc đầu tư thiết bị, phát triển thị trường, nâng cao năng lực cán bộ và hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật để tăng sức cạnh tranh; Kinh nghiệm phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị, giữa Trung tâm với đội ngũ cán bộ giảng dạy cũng như việc tạo ra “sự khác biệt” nhằm tăng cường thị phần đào tạo cũng như những các đề xuất, kiến nghị về các cơ chế, thủ tục nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị trực thuộc.

Với những định hướng này, cùng với những cơ chế thích hợp, Viện có thể “giải phóng” được nguồn năng lực dồi dào của đội ngũ cán bộ công nhân viên cũng như hệ thống trang thiết bị đang có để phát triển ngày một vững mạnh, làm ra nhiều của cải, vật chất cho xã hội và làm cho thương hiệu của mình ngày một lan xa.

Viện Vật liệu Xây dựng

Trong năm 2008 Viện đã thực hiện 40 nhiệm vụ KHCN, trong đó có 32 nhiệm vụ do Bộ Xây dựng và Bộ Khoa học Công nghệ giao và đạt được những kết quả đánh khích lệ, ngoài ra đã

biên soạn 12 tiêu chuẩn, quy chuẩn về lĩnh vực vật liệu xây dựng.

Một số kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN có tính thực tế cao như tái chế phế thải thành nhiên, nguyên liệu cho các ngành khác ... các dự án tiêu chuẩn được biên soạn và soát xét phù hợp với thực tế sản xuất và có tính hòa nhập với tiêu chuẩn quốc tế, các dự án quy hoạch tổng thể vật liệu xây dựng, quy hoạch khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng cho các tỉnh cũng như các dự án sự nghiệp kinh tế là cơ sở để quản lý ngành vật liệu xây dựng phát triển bền vững gắn liền với bảo vệ khoáng sản và môi trường sinh thái, đảm bảo để phát triển vật liệu xây dựng ở các

địa phương phù hợp với quy hoạch chung của toàn quốc.

Ngoài công tác hoạt động nghiên cứu đề tài, dự án theo nguồn ngân sách, công tác dịch vụ kỹ thuật, ứng dụng các kết quả nghiên cứu v#o thực tế cũng tăng trưởng. Trong năm 2008 Viện đ' ký kết 228 hợp đồng, giá trị 128 tỷ đồng, doanh thu đạt 123,4 tỷ, bằng 186% so với năm 2007 (66,17tỷ) vượt kế hoạch năm là 54% (80tỷ). Mức thu nhập bình quân đầu người đạt 4.500.000 nghìn đồng/ tháng, trích nộp ngân sách nhà nước 10 tỷ 500 triệu đồng.

Nghiêm Thuý Giang

(Nguồn: Theo Báo cáo tổng kết của các Tổng Công ty, Viện)

Hội nghị Ban chấp hành mở rộng phía Bắc Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam

Sáng ngày 20/2/2009, Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam tổ chức Hội nghị Ban chấp hành mở rộng phía Bắc. Đến dự hội nghị có ông Trần Ngọc Hùng - Chủ tịch Tổng Hội Xây dựng Việt Nam cùng toàn thể các thành viên trong Ban Chấp hành miền Bắc và các Hội viên tập thể phía Bắc của Hội.

Sau bài diễn văn khai mạc Hội nghị của TS.Trần Văn Huynh - Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam, ông Lê Xuân Thìn – Chánh Văn phòng Hội đã đọc báo cáo tổng kết công tác năm 2008 và phương hướng hoạt động của Hội năm 2009.

Báo cáo đã chỉ rõ, trong năm 2008, hoạt động của Hội luôn bám sát vào chức năng nhiệm vụ là tư vấn, phản biện, giám định xã hội; đi đầu về phổ biến thông tin ứng dụng sản phẩm mới, công nghệ mới trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh VLXD.

Hội đã thực hiện chức năng tư vấn, phản biện, giám định xã hội - phổ biến ứng dụng sản phẩm mới thông qua các hội thảo, hội chợ triển lãm, đào tạo, nghiên cứu các dự án điều tra

đánh giá, phổ biến qua các ấn phẩm thông tin và kết quả đã thực hiện như sau:

- Về tổ chức Hội thảo: Các Hội thảo của Hội tổ chức đã tập trung vào một số nội dung nhằm truyền bá, phổ biến công nghệ mới trong lĩnh vực sản xuất VLXD, chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp xi măng, gốm sứ, đá ốp lát, công nghệ thân thiện bảo vệ môi trường, sử dụng phế thải làm nguyên liệu, nhiên liệu sản xuất VLXD, công nghệ sản xuất vật liệu không nung thay thế gạch đất sét nung. Các hội thảo về nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp VLXD Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Năm 2008, Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam đã tổ chức một số hội thảo lớn tại Hà Nội như: “Vật liệu xây dựng không nung- Thời cơ - giải pháp - hiệu quả”; “Sử dụng VLXD trong xây dựng tiết kiệm năng lượng”; “Công nghệ mới, thiết bị hiện đại cho sản xuất xi măng”; “Phát triển sản xuất đá ốp lát đẩy mạnh xuất khẩu, để nâng cao kim ngạch xuất khẩu VLXD”; “Phổ biến những công nghệ khai thác chế tác đá và sản phẩm mới”; “Phát triển vật liệu xây không

nung & bê tông nhẹ - Xu hướng tất yếu của ngành VLXD Việt Nam”.

Qua các hội thảo chuyên đề đã có tác dụng tư vấn xã hội, định hướng phát triển Ngành như đẩy mạnh phát triển sản xuất VLXD không nung, bê tông nhẹ; ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật hiện đại trong sản xuất xi măng.

- Về công tác hội chợ, triển lãm: Hội đã tổ chức và tham gia tổ chức nhiều hội chợ, triển lãm giới thiệu công nghệ, sản phẩm, thành tựu của ngành VLXD, hàng năm tham gia bảo trợ cho Triển lãm Vietbuid tổ chức tại Hà Nội, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh; Tổ chức Hội chợ triển lãm quốc tế Vietconstruct, Triển lãm quốc tế Con - Build Việt Nam 2008, Triển lãm VLXD & bất động sản - Consmat 2008 tại Hà Nội.

- Về công tác thông tin, phổ biến chính sách, ứng dụng công nghệ mới sản phẩm mới: Hội đã cung cấp nhiều thông tin về sản phẩm mới, công nghệ mới thông qua các kênh như tổ chức hội thảo chuyên đề, tạp chí VLXD đương đại và qua website của Hội.

- Về công tác tư vấn phản biện, giám định xã hội: Hội đã tham gia tích cực vào việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch phát triển ngành. Năm 2008, Hội đã tham gia phản biện các dự án quy hoạch tổng thể ngành công nghiệp VLXD đến năm 2020; Quy hoạch phát triển ngành xi măng; Quy hoạch phát triển VLXD tỉnh Thái Bình; Tư vấn phản biện các dự án đầu tư (dự án xi măng Cẩm Phả, xi măng Thăng Long, xi măng Đồng Bành, xi măng Mỹ Đức).

- Về quan hệ hợp tác quốc tế: Năm 2008, Hội VLXD đã thành lập Ban Đối ngoại, bước đầu công tác hợp tác quốc tế đã có được những kết quả tốt. Hội đã tổ chức 3 hội thảo quốc tế như: Tận dụng nhiệt thải của lò nung clinker xi măng để phát điện; Vật liệu xây dựng không nung: Thời cơ, thách thức, hiệu quả; Công nghệ mới, thiết bị hiện đại trong sản xuất xi măng

Hội đã tiếp và làm việc với đoàn khách của Đức gồm 70 kỹ sư tới khảo sát thị trường xây

dựng và Vật liệu xây dựng Việt Nam. Hội làm việc với các đoàn công tác của các nước Đan Mạch, Thụy Sĩ, Trung Quốc, Đức, Pháp, Italia... về đầu tư phát triển VLXD ở Việt Nam, giới thiệu sản phẩm mới, công nghệ mới. Tháng 11/2008, kết hợp tham dự triển lãm Máy xây dựng và VLXD “BAUMA China 2008”, Hội đã phối hợp với Chương trình Phát triển vật liệu không nung của Bộ Xây dựng tổ chức đoàn khảo sát và học tập kinh nghiệm sản xuất và sử dụng vật liệu không nung tại Trung Quốc. Đoàn công tác của Hội bao gồm các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất sản phẩm vật liệu không nung, bê tông nhẹ đã làm việc với Tổng Hội VLXD Trung Quốc, Hiệp hội sản xuất Bê tông khí Trung Quốc, Hiệp hội Bloc bê tông Trung Quốc và một số nhà máy sản xuất bê tông nhẹ.

- Về phát triển Hội viên mới: Qua những hiệu quả hoạt động, Hội đã nâng cao uy tín của của mình, năm 2008 đã kết nạp thêm 10 doanh nghiệp xin gia nhập Hội, trong đó 3 doanh nghiệp liên doanh nước ngoài, đưa tổng số hội viên tập thể của hội lên 100 hội viên. Hội đã phối hợp Sở Xây dựng Nghệ An thành lập Hiệp hội vật liệu xây Nghệ An và đang tổ chức vận động thành lập Hiệp hội đá Việt Nam

Bước sang năm 2009, nền kinh tế toàn cầu đang gặp rất nhiều khó khăn, đây là những thách thức lớn cho các doanh nghiệp nói chung và cho các hội viên tập thể nói riêng. Để làm tốt hơn nữa chức năng nhiệm vụ, trong kế hoạch năm 2009, Hội VLXD đã đề ra nhiều nội dung hoạt động, tập trung vào việc hỗ trợ các doanh nghiệp hội viên xúc tiến thương mại, phát triển các sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao. Tăng cường vai trò phản biện xã hội, đóng góp ý kiến với các cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng trong việc xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp sản xuất VLXD nói riêng.

Nghiêm Thuý Giang

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2008 TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM (LILAMA)

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2009



Ông Phạm Hùng - Tổng Giám đốc Tổng Công ty LILAMA
phát biểu tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị